

Chương XXV "NƯỚC PHÁP THIẾU MAY MẮN!"

Buổi tối ngày 2/1/1946, tại một biệt thự ở Neuilly, ngoại ô Paris, Tướng Charles de Gaulle đã cảm khái nói với con rể tương lai như sau: "Nước Pháp thật thiếu may mắn!" [*Vraiment, la France n'a pas de chance!*] (1)

1. L'Institut Charles de Gaulle, *Le général de Gaulle et l'Indochine, 1940-1946* (Paris: Plon, 1982) pp 180, 182, 200. [Sẽ dẫn: *De Gaulle et l'Indochine*, (1982)].

Lời than thở trên đã được thốt ra vì một món quà năm mới mà Thủ tướng Lâm Thời Cộng Hòa Pháp chẳng hề trông đợi: Tám ngày trước, 26/12/1945, một tai nạn phi cơ giữa lòng rừng già Phi Châu đã phá hỏng kế hoạch bí mật mà De Gaulle và giới thân cận trù liệu từ nhiều tháng—Tiểu đoàn trưởng (Thiếu tá) Vĩnh San, lá bài chính của kế hoạch trên, có mặt trong số hành khách xấu số của chiếc phi cơ lâm nạn. (2)

2. Trong một số tác phẩm trước đây, chúng tôi đã dùng chữ "Sang" theo đúng giấy tờ hộ tịch. Xem, chẳng hạn, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient (BEFEO, Kỷ Yếu Trường Viễn Đông Bác Cổ)*, VIII: 3-4 (7/1907), p 417; *Bulletin administratif de l'Annam (BAA, Thành tích biểu hành chính An-nam)*, No 19 (1907), pp 570-575.

Vĩnh San chẳng là ai khác hơn cựu hoàng Nguyễn Phước Hoảng—nhưng theo lối viết sử nhà Thanh, và hủ tục kỵ húy của các chế độ quân chủ chuyên chế, chỉ nhắc đến qua niên hiệu Duy Tân—người từ ngày 4/5/1916 bị triều đình Huế và chính phủ Pháp lên án "làm loạn," đày qua hải đảo Réunion, và còn lưu lại trong tâm hồn người Việt muôn vàn thương tiếc. Tháng 6/1945, sau gần ba mươi năm chịu cảnh "**Nữ hoàng Cléopâtre hóa thân cô bán hành,**" Vĩnh San được phép rời Madagascar qua Paris, như một sĩ quan tham mưu của Tướng Pierre Lelong, chỉ huy cuộc triển lãm Pháp quốc hải ngoại. Rồi do những diễn biến phức tạp ở Đông Dương—nhất là Việt Nam—De Gaulle muốn sử dụng Vĩnh San trong một âm mưu chính trị hay tuyên truyền nào đó. Mãi tới đầu thập niên 1980, một số cộng sự viên thân cận của De Gaulle mới tiết lộ rằng "Charles vĩ đại" đã quyết định cho Cựu Hoàng trở lại ngai vàng, nhưng tai nạn phi cơ ngày 26/12/1945 khiến kế hoạch bị đổ vỡ. (3)

3. Vũ Ngự Chiêu, *Lá bài bí mật của de Gaulle: Hoàng tử Vĩnh Sang (1900-1945)* (Houston: Văn Hoá, 1992). [Sẽ dẫn: Vũ Ngự Chiêu 1992]. Đa tạ Tướng Alain de Boissieu, Cố vấn chính trị Charles Bonfils, Cựu Ngoại trưởng Maurice Couve de Murville đã trả lời phỏng vấn và giúp đỡ tác giả trong giai đoạn du khảo Pháp năm 1982-1983, 1985-1987.

Cựu hoàng Nguyễn Phước Hoãng không phải là người duy nhất được Pháp nghiên cứu cho đưa về Việt Nam trong giai đoạn sắt máu 1945. Vì Nguyễn Phước Minh [tức quận công Ứng Lịch]—nhân vật huyền thoại của phong trào Cần Vương (1885-1888), nhưng thực tế đã hài lòng với sự đô hộ của Pháp và cuộc sống lưu đầy vương giả ở Algeria—đã chết, người Pháp từng nghĩ đến con trai cựu hoàng là Minh Đức, một Thiếu tá trong quân lực Pháp, nhưng Minh Đức từ chối. (4)

4. Nguyễn Xuân Thọ 1995, tr. 418-419, chú 14.

Ngay đến Nguyễn Phước Điện—từng tuyên bố độc lập sau ngày Nhật lật đổ chính phủ Decoux, ngày 18/8/1945 còn viết thư ngỏ yêu cầu De Gaulle ngưng tái xâm lăng Việt Nam, rồi thoái vị, nhận làm công dân số 1, cố vấn tối cao của Hồ Chí Minh từ ngày 11/9/1945—rồi sống lưu vong ở Hong Kong từ mùa Xuân 1946 dưới một tên giả, cũng được Hội Truyền Giáo Hong Kong, cùng Cố vấn Chính Trị Léon Pignon và Linh mục/Đô Đốc Cao Ủy Georges Thierry d'Argenlieu nghiên cứu sử dụng làm “Quốc trưởng,” phát cao ngọn cờ “độc lập, chống Cộng” trong Liên Hiệp Pháp.

Đích thân De Gaulle cũng chưa tuyệt vọng về Nguyễn Phước Điện trong những thí nghiệm chính trị tương lai. Kế hoạch bí mật [*un dessein secret*] Vĩnh San của De Gaulle—tức cho cựu hoàng Duy Tân những phương tiện để tái xuất hiện—nếu Nguyễn Phước Điện bị lỗi thời trước các chuyển biến (5)

5. Charles de Gaulle, *Mémoires de Guerre, Vol III: Le Salut* (Paris: Plon, 1959), tr. 230. Sẽ dẫn: Gaulle, *Mémoires* 1959.

Ngày 14/12, tôi tiếp [Vĩnh San] để cùng ông mặt giáp mặt, thử xem có thể làm chung với nhau được việc gì. Nhưng vì dù chính phủ của tôi có thỏa hiệp với bất cứ ai đi nữa, tôi đã dự định là chính tôi sẽ ký kết những hiệp ước tại Đông Dương trong một khung cảnh oai nghiêm khi cơ hội đến.]

Pháp tự do, dù mới thoát khỏi họa chiếm đóng của quân phiệt Đức Quốc Xã, vẫn nuôi tham vọng “đưa con thuyền lạc bến Đông Dương” trở lại bờ bến mẫu quốc, dùng máu trai tráng Pháp tưới bón đất đai hải ngoại. Tóm lại, người Pháp vẫn muốn dùng vương quyền nhà Nguyễn để chống lại phong trào đòi độc lập sôi nổi của dân tộc Việt Nam. Năm 1952, Bộ trưởng các quốc gia liên kết kiêm Cao Ủy Jean Letourneau—dù không hài lòng về Nguyễn Phước Điện trên cả hai lãnh vực hoạt động và bất động, vẫn thích Nguyễn Phước Điện vì cá tính dễ thương và sự thông minh. Letourneau tin rằng từ khởi đầu, “giải pháp duy nhất là giải pháp Nguyễn Phước Điện” —với số lương căn bản năm phần trăm [5%] thu nhập quốc gia hàng năm, và phụ trội “hụi chết” cơ bạc, ma túy tới 6-10 triệu Mỹ Kim năm 1951-1952. Miền Bắc và miền Trung có **khuyh hướng bảo hoàng**, nên chế độ quân chủ là phương thức duy nhất ràng buộc các lực lượng chia rẽ

vào một mối. Miền Nam muốn **chế độ Cộng Hoà**, nhưng miền Bắc chẳng bao giờ chịu để người miền Nam cầm đầu, và ngược lại. Với Hoàng hậu Nam Phương người miền Nam, Nguyễn Phước Điện đáng lẽ phải lợi dụng điều này để trở thành một Quốc trưởng tốt. Theo Letourneau, Bảo Long, con trai Nguyễn Phước Điện, học rất giỏi, mới đậu xong bằng Tú Tài, và rất yêu nước. Có thể trở thành nhà cai trị tốt. Letourneau cũng quan tâm đến **đòi hỏi ngày một mạnh tại QH Pháp về việc thương thuyết với Hồ Chí Minh**. Việc cựu Thủ tướng Faure gia nhập nhóm chống chiến tranh là một dấu hiệu đáng lo ngại vì Faure rất có ảnh hưởng trong giới cấp tiến trẻ. (6)

6. FRUS, 1952-1954, vol XIII: Indochina (Washington, DC: GPO, 1981), Part I, pp 227-230, 272-76.

Ngày 30/7/1952, Đại sứ Donald R Heath, dựa theo tin của Bộ trưởng Hải Ngoại kiêm Cao ủy Đông Dương Jean Letourneau, Thủ tướng Trần Văn Hữu và những nguồn khác, báo cáo về lương bổng và tài sản của Nguyễn Phước Điện:

Dưới thời Nguyễn Phan Long [1950], mỗi tháng Nguyễn Phước Điện được 4 triệu đồng (khoảng 200,000 MK). Sau ngày Hữu cầm quyền, lương Nguyễn Phước Điện tăng lên 7 triệu mỗi tháng, tức khoảng 350,000 MK (khoảng 5% tổng số thu của ngân sách). Ngoài ra, theo Long, mỗi tháng Nguyễn Phước Điện được Bảy Viễn biếu từ 2 tới 2.5 triệu. Như thế, tổng số thu nhập của Quốc Trưởng vào khoảng 110-120 triệu mỗi năm (6 triệu MK). Năm 1951, Letourneau nói với Heath rằng Nguyễn Phước Điện đã chuyển ngân ra ngoài quốc 800 triệu francs, tương đương với 47 triệu đồng, hay 2,350,000 MK. Phần lớn tiền chuyển ngân được gửi vào trương mục ở Switzerland và Pháp. Nguyễn Phước Điện cũng đầu tư vào bất động sản tại Pháp và Morocco. Để chuẩn bị cho chuyến qua Pháp sắp tới của mình, Nguyễn Phước Điện chỉ thị đương kim Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm phải chuyển ngân thêm 7 triệu kinh phí. Tâm cắt xuống còn 6 triệu. **Theo Heath, sở dĩ Letourneau không dám chất vấn Nguyễn Phước Điện vì sợ rằng Quốc trưởng sẽ đe dọa từ chức; vì hiện tại, Nguyễn Phước Điện đã có một tài sản đủ sống ung dung suốt đời, khác hẳn với cảnh "trắng tay" (penniless) năm 1949** (FRUS, 1952-1954, XIII: Indochina (1981), Part I, pp 227-230).

5/11/1952: Oat-shinh-tân: Tướng Dwight D. Eisenhower, người hùng thế chiến thứ II, đắc cử Tổng thống Mỹ [1953-1961]. Phó Tổng thống là Richard M. Nixon.

* Sài-Gòn: Đại sứ Heath gặp Letourneau vào buổi tối. Theo Letourneau, buổi sáng Thủ hiến BV Phạm Văn Bính, và Bộ trưởng Thông Tin Phan Văn Giáo xin gặp, hỏi thẳng rằng Letourneau có thích họ hay chẳng, và liệu có can thiệp để Nguyễn Phước Điện không cách chức họ.

Letourneau trả lời rằng cá nhân mình thích họ, nhưng không can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Theo Letourneau, Bính chẳng đến nỗi tệ, nhưng hoặc Bính hoặc cộng sự viên của Bính tham nhũng. Có những bằng chứng là các chức tỉnh trưởng ở miền Bắc đã được "bán." Trí có thể thay Bính, nhưng sợ Nguyễn Phước Điện không thuận. Dầu vậy, khi gặp Nguyễn Phước Điện, Letourneau sẽ nói đến đến **nhu cầu thanh liêm, và dẹp bỏ cờ bạc hợp pháp**.

Về vấn đề tài chính của Nguyễn Phước Điện, Letourneau cho rằng phỏng đoán của Heath— Nguyễn Phước Điện nhận được 2 triệu tới 2.5 triệu tiền "hụi" cò bạc mỗi tháng— hơi thấp. **Hàng tháng, Nguyễn Phước Điện thu được khoảng 4 triệu đồng (800,000 MK) từ sòng bạc Chợ Lớn.**

Riêng Tâm, Letourneau nghĩ rằng có thể Tâm cũng được chia tiền hụi cò bạc như Hữu; nhưng Tâm không bỏ vào túi riêng mà dùng vào những việc công ích. Tuy nhiên, Letourneau phân vân tự hỏi tại sao một người lương thiện như Tâm cứ tiếp tục giữ một người tình như Lê Thị Giỏi, một nữ hoàng chợ đen. **Nếu chỉ xét theo tiền thu nhập, Nguyễn Phước Điện là một trong những người giàu nhất thế giới. Mỗi năm, Nguyễn Phước Điện được 90 triệu đồng, tức khoảng 4.5 triệu MK, chưa kể tiền "hụi" cò bạc.**

6/11/1952: Sài-Gòn: Nguyễn Phước Điện tiếp kiến Heath.

1. Cho biết sẽ đón sinh nhật thứ 40 một cách âm thầm; ngân quỹ dự trữ cho lễ sinh nhật sẽ tặng cho nạn nhân bão lụt Phan Thiết.
2. Than phiền là Letourneau có vẻ không ưa mình. Theo Nguyễn Phước Điện, trong giới chính khách Pháp, người ta không tán thành việc Letourneau kiêm nhiệm cả hai chức Bộ trưởng và Cao ủy Đông Dương. Cuối năm, Letourneau sẽ phải bỏ chức Cao ủy.
3. Chuyến Pháp du của Nguyễn Phước Điện không phải là nhàn du— Nguyễn Phước Điện **phát hiện bệnh gan; có lẽ phải trở lại Pháp để tái khám trong vòng 4, 5 tháng.**
4. Vừa về nước, Nguyễn Phước Điện đã gặp rắc rối về sự chống chọi giữa Tâm, Giáo và Bình. Nguyễn Phước Điện cần thì giờ để xét lại vấn đề.
5. Nguyễn Phước Điện không hài lòng về tiến trình thành lập Quân đội QGVN (FRUS, 1952-1954, XIII: Indochina (1981), Part I, pp 226-227).

I. CLEOPATRA & CÔ BÁN HÀNH:

Những mắt xích tăng Panzer của Đức Quốc Xã nghiền nát đất đai nước Pháp vào đầu tháng 6/1940 khởi đầu một hy vọng mới cho Hoàng tử Vĩnh San. Trong không khí hỗn loạn của một quốc gia đang bại trận, đồn dập tin cấp báo vòng vây Đức quốc Xã đang xiết dần quanh Paris— mở đường cho Thống chế Philippe Pétain thành lập ở Vichy một chính phủ hợp tác với chính phủ Adolf Hitler— Thủ tướng Churchill thông báo với Tổng thống Liên bang Mỹ Roosevelt là đã khám phá ra tại Hội nghị Versailles một nhân vật "trẻ" có thể lãnh đạo phong trào kháng chiến Pháp chống Germany ở hải ngoại: Thiếu tướng Charles de Gaulle, Thứ trưởng Quốc Phòng chính phủ Paul Reynaud, con rể một chủ nhân hãng bánh giàu có. (7)

7. Vũ Ngự Chiêu, "Political and Social Change in Viet-Nam Between 1940 and 1946" [Những biến đổi về chính trị và xã hội tại Việt Nam từ 1940 tới 1946], Ph.D. Dissertation, Đại Học Wisconsin-Madison, 1984, chương X-XII Sẽ dẫn: Vũ Ngự Chiêu "Political and Social Change," (1984).

Theo lời Vĩnh San, từ ngày 18/6/1940, khi De Gaulle mượn đài phát thanh London để phát đi bản hiệu triệu dân Pháp tham gia tổ chức "Pháp Tự Do," Vĩnh

San đã hưởng ứng ngay. Gần năm năm sau, trong thư gửi De Gaulle đề ngày 9/4/1945, Vĩnh San viết:

Ngày hôm đó, thưa Tướng quân, Ngài đã nói: "Nước Pháp không lẻ loi. Đằng sau lưng nước Pháp là cả một đế quốc rộng lớn."

Ngày hôm sau nữa, Ngài lên tiếng hiệu triệu: "Hỡi binh sĩ Pháp, dù ở bất cứ nơi nào, hãy đứng lên!"

Trên thực tế, ... từ [ngày 24/8/1939, khi xin gia nhập quân đội Pháp nhưng bị từ chối,] tháng 6/1940, tôi đã tự coi mình là một chiến binh của nước Pháp đang lâm chiến. Và tuân hành lệnh Tướng quân, tôi đã làm hết sức mình cho một quốc gia tự do mà tôi chẳng hề miễn cưỡng xin làm công dân. (8)

8. Thư ngày 9/4/1945, Vĩnh San gửi De Gaulle; E P Thébault, "Le tragique destin d'un Empereur d'Annam" (Prince Vinh-San, 1900-1945, Empereur Duy Tan, 1907-1916), *France-Asie/Asia*, vol XXIV:1, 1er trimestre 1970, pp 11 [3-40]. Thư ngày 5/6/1936, Vĩnh San gửi BTTĐ; CAOM (Aix), HCFL, CP 255.

Trong hai năm kế tiếp, nhờ điện đài bí mật của mình, Vĩnh San liên lạc với các đơn vị Đồng Minh, đóng ở đảo Maurice, cách Réunion khoảng 1,000 cây số. Những người ủng hộ De Gaulle tại St Denis cũng thường lui tới chỗ Vĩnh San để theo dõi thời sự. Khám phá ra việc này, Thống đốc Pierre Aubert, đã ngả theo phe Vichy [tức chính phủ Pétain]— và ngày 1/6/1940 từng đề nghị Bộ Thuộc Địa không chấp nhận đơn tình nguyện nhập ngũ của Vĩnh San(9)— đặt Vĩnh San vào tình trạng bị quản thúc hành chính trong một trại tập trung từ 7/5 tới 19/6/1942. (10)

9. Công điện số 208, 1/6/1940, Aubert gửi Colonies; & CĐ số 123, 4/6/1940, Colonies gửi St Denis; CAOM (Aix), INF, Carton 267, d. 2337.

10. Nghị định số 880 C, ngày 7/5/1942; *Journal Officiel de la Réunion [JORF]*, 80:26 (8/5/1942), pp 542-43; và Nghị định số 11436 C, ngày 19/6/1942; *JORF*, 80:28 (26/6/1942) p 687; Thébault, "Le tragique destin;" *France Asie/Asia*, (1970), p 10. Ngày sinh 3/8/1900 của Vĩnh San có xuất xứ từ lệnh tổng giam số 1659 ngày 19/11/1940, trích dẫn trong Nghị Định số 880, ngày 7/5/1942, đặt Vĩnh San trong tình trạng quản thúc hành chính, của P Aubert; Ibid.

Thành tích này là chìa khóa mở cho Hoàng tử cánh cửa lưu đày khi lực lượng Pháp Tự Do chiếm được Réunion vào mùa Thu 1942. Ngày 28/11/1942, diệt lồi hạm *Léopard* tiến vào hải phận Réunion, đưa Albert Capagorry lên chức tân Thống đốc hải đảo. Vĩnh San cùng hai em trai (Vĩnh Diêu và Vĩnh Can) tình nguyện gia nhập thủy thủ đoàn *Léopard* với chức điện đài viên; nhưng hai người em bị Bưu Lân bắt lại. (11) Đời thủy binh của Vĩnh San cũng chỉ vón vện ba tuần lễ. Tình cờ gặp Vĩnh San trên tàu, Tướng Paul-Louis Legentilhomme—Xử lý thường vụ Cao Ủy các thuộc địa Pháp ở Ấn Độ Dương (Madagascar, Réunion và Djibouti)—quyết định trả Cựu hoàng về Réunion. Sau đó, cho lệnh Đại úy Alain

de Boissieu viết thư qua London, yêu cầu gửi Vĩnh San vào trường sĩ quan Ribbesford của Bri-tên. (12)

11. Năm 1948, hai người em của Duy Tân cũng về nước, nhưng Tư lệnh Pháp ở Sài Gòn cho rằng họ không có khả năng và hạnh kiểm để nhập ngũ hay giữ một chức vụ nào; CAOM (Aix), HCIF, CP 255;

12. *De Gaulle et l'Indochine*, (1982), p 175; thư Etienne Boulé gửi Bộ Thuộc Địa ngày 11/6/1945, p 3. Theo Thébault, Vĩnh San bị gửi trả lại Réunion vì ngã bệnh, tức "inapte." Thébault, "Le tragique destin;" *France Asie/Asia*, (1970), p 10?.

Trở lại Réunion, đầu năm 1943, Vĩnh San lại xin đăng lính. Trong lá đơn này, "Hoàng tử Vĩnh [S]an, cựu Hoàng đế An-Nam" yêu cầu được phục vụ dưới quyền Tướng Georges Catroux, Cựu toàn quyền Đông Dương từ 1939 đến mùa Hè 1940, đã được dàn xếp trốn khỏi Đà Lạt qua Hoa Nam, rồi gia nhập hàng ngũ khai quốc công thần của de Gaulle. Thêm một lần bị từ chối, nhưng Vĩnh San lọt vào mắt xanh của Thống đốc Capagorry. (13) Từ ngày này "Capagorry và công ty," kể cả E P Thébault, Chánh văn phòng Thống đốc, ra sức đánh bóng tên tuổi Vĩnh San.

13. Công điện số 168, ngày 9/4/1943, St. Denis gửi Colonies; CARAN (Paris), Fonds Comité National Français [CNF], Carton 4. Trong công điện này, tên Vĩnh San ghi thành "Vinh Tan." Thống đốc Réunion cho biết Vĩnh San bị xếp hạng không đủ sức khỏe (inapte), thông minh và có mưu lược (intrigant); và, ông ta có cảm tưởng rằng Vĩnh San muốn rời Réunion để hoạt động chính trị với mục đích trở lại ngôi vua An-Nam, nơi Vĩnh San còn nhiều người ủng hộ.

Nhân dịp Ủy viên Thuộc địa của Ủy Ban Giải phóng Quốc gia Pháp là René Pleven ghé qua Réunion, Vĩnh San được giới thiệu với Pleven để khiếu nại về việc xin đầu quân mà liên tiếp bị từ chối. Pleven chấp thuận cho Vĩnh San gia nhập ngành truyền tin. (14)

14. "Témoignage du Général de Boissieu sur l'affaire du prince Vinh San;" *De Gaulle et l'Indochine* (1982), pp 175-176.

Ngày 3/1/1944, Vĩnh San được nhận vào lực lượng bản xứ Réunion với cấp bậc binh nhì. Gần sáu tuần sau, ngày 15/2, cựu hoàng được thăng cấp Hạ sĩ. Tuy nhiên, trong lệnh bổ nhiệm có thêm chú thích là Vĩnh San không được phục vụ tại một đơn vị ngoài lãnh thổ Réunion. (15)

15. Thébault, "Le tragique destin;" *France Asie/Asia*, (1970), pp 12-3.

Lý do chính là Vĩnh San vẫn bị coi như một phạm nhân chính trị, bị các Thượng thư và Hội đồng Hoàng tộc của mình lưu đày vì tội "làm loạn" chống lại tổ tiên và chính phủ Bảo hộ Pháp!

Mùa hè 1944, công ty Capagorry được tăng cường thêm một nhân vật quyền thế khác: Tướng Pierre Lelong, Tư lệnh lực lượng Pháp tại Madagascar, một hải đảo Đông Nam châu Phi khoảng 600 dặm. Nhân dịp một đơn vị lính thợ Đông Dương ở Madagascar đình công, Capagorry tiến cử Vĩnh San lên Lelong để thuyết phục họ. Sau khi các lính thợ đồng ý làm việc trở lại, Lelong rất hài lòng, đề nghị đặc cách Vĩnh San lên chức Chuẩn úy thuộc địa trừ bị, kèm theo một Huân chương Giải phóng (*Croix de Libération*). Ngoài ra, Lelong cũng xin cho Vĩnh San qua Pháp phục vụ trong một đơn vị tác chiến. Bộ Thuộc Địa chỉ đồng ý cho Vĩnh San hưởng lương Chuẩn úy trừ bị và Huy chương Kháng chiến (*Médaille de Résistance*). (16)

16. DAP, Direction de l'Indochine, "Note 1 au sujet du Prince Vinh San"; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105.

Ngày 28/8/1944, sau khi lực lượng Pháp Tự Do vừa giải phóng Paris— và tại Đà Lạt ngày 20/8/1944, Đô Đốc Toàn Quyền Decoux tự xưng Thượng Sứ Viễn Đông, tiếp tục chính sách liên kết với Nhật, và ít nữa bề ngoài không chấp nhận chế độ De Gaulle— từ St Denis, Vĩnh San gửi thư ngỏ, tuyên bố Đông Dương trở thành một "tỉnh tự trị của khối Đông Á [Province autonome de l'Asie Orientale]," và toàn dân Việt Nam chống lại việc tách rời khỏi Pháp, ngả theo Nhật. (17)

17. CAOM (Aix), HCIF, CP 255.

Nhân dịp này, công ty Capagorry chuyển tiếp lên Bộ Thuộc địa, lúc đó còn ở Alger, tuyên ngôn bày tỏ lòng trung thành của Vĩnh San, và yêu cầu cho Vĩnh San được sang Pháp chiến đấu. Đại diện Bộ Thuộc Địa "nồng nhiệt cảm tạ" và hứa sẽ chuyển bản "tuyên ngôn" cho "Narcisse" (tức Tướng Eugène Mordant, mới được chỉ định làm Tư Lệnh Lực Lượng Pháp Tự Do tại Đông Dương ngày 23/8/1944) tùy nghi sử dụng. Nhưng lưu ý Capagorry là tình hình chính trị Đông Dương cực kỳ tế nhị, cần thận trọng. (18)

18. Comité Français de la Libération Nationale, Commissariat aux Colonies, Circulation No. 8906/AP (6/9/1944), và DAP, Direction de l'Indochine, "Note II pour Monsieur Grimald," p 1; Ibid; De Gaulle, 1981:60.

Ngày 9/9/1944, De Gaulle trở thành Thủ tướng Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Pháp [the Provisional Govt of the Republic France (9/9/1944-25/11/1945-20/1/1946)].

Capagorry và công ty kêu gọi được Dân biểu de Vellèle của Réunion nhập cuộc. Đích thân Vellèle can thiệp với René Pleven, Paul Giacobbi, người mới thay Pleven ở đường Oudinot từ tháng 12/1944, và André Diéthelm, Bộ Trưởng Chiến Tranh. Cả ba nhân vật thân cận của de Gaulle đều hứa sẽ thỏa mãn thỉnh nguyện của Vĩnh San.(19) Trong những lá đơn và thư từ xin qua Âu Châu đánh giặc, bên

cạnh các lý do quen thuộc như muốn hy sinh cho Đại Pháp, hay ao ước có tước hiệu một cựu chiến binh, Vĩnh San cũng bắt đầu thêm một lý do mới: "**Muốn được đi dưới bóng de Gaulle vĩ đại.**" (20)

19. Báo cáo của Trung Tá Vernoux, ngày 21/5/1945, tr. 2; Ibid.

20. Thư ngày 3/3/1945, Vĩnh San gửi Lelong; Ibid. Xem thêm thư ngày 9/4/1945, Vĩnh San gửi de Gaulle; Thébaud, "Le tragique destin;" *France Asie/Asia*, (1970), p 11; và, các lá thư gửi Trung sĩ Roger Guichard trong năm 1945; CAOM (Aix), HCIF, CP 255.

Mặc dù công ty Capagorry nỗ lực vận động, phản ứng ở Alger và rồi Paris rất chậm chạp. Tháng 9/1944, Nha Quân lực thuộc địa Bộ Chiến Tranh gửi cho Nha Quân vụ Bộ Thuộc Địa một phiếu tham khảo ý kiến, nhưng tới tháng 4/1945, mọi việc chưa ngã ngũ. Một trong những lý do là thủ tục hành chính. Phiếu tham khảo của Nha Quân lực thuộc địa (Bộ Chiến Tranh), chẳng hạn, được Nha Quân vụ (Bộ Thuộc Địa) chuyển tiếp qua Nha Chính Trị (Bộ Thuộc Địa) để xin ý kiến. Sau khi cứu xét kỹ càng, Nha Chính Trị (Bộ Thuộc Địa) mới thông báo cho Nha Quân Vụ biết ý kiến của mình. Ba chặng đường sơ khởi này cần thời gian hơn sáu tuần lễ. Mãi tới ngày 20/11/1944, Nha Chính Trị (Bộ Thuộc Địa) mới phúc đáp cho đồng sự của mình, tức Nha Quân vụ (Bộ Thuộc Địa), về trường hợp Vĩnh San. Mặc dù chấp thuận trên nguyên tắc việc đầu quân của cựu hoàng, Nha Chính Trị nhấn mạnh rằng nếu muốn gọi Vĩnh San về Viễn Đông cần phải cứu xét lại. (21)

21. Note số 643 (20/11/1944), DAP gửi DAM. Chúng tôi không được trực tiếp tham khảo phiếu ý kiến này. Nội dung phiếu ý kiến trên được nhắc đến trong hai văn thư khác, "Note số II" của Sở Đông Dương, Nha Chính Trị, và thư số 11565 ngày 10/9/1945; Ibid., INF, carton 122, d. 1105.

Hơn 7 tuần lễ sau, ngày 9/1/1945, Nha Quân Vụ (Bộ Thuộc Địa) mới chính thức trả lời Nha Quân Lực thuộc địa (Bộ Chiến Tranh), là đồng ý cho Vĩnh San qua Âu Châu tham chiến. (22)

22. Note II, Sở Đông Dương, Nha Chính Trị; Ibid.

Tính ra, thủ tục văn thư khiến gần 5 tháng sau ngày Nha Quân Lực thuộc địa của Bộ Chiến Tranh làm phiếu tham khảo ý kiến về việc đầu quân của Vĩnh San, Nha Quân Vụ (Bộ Thuộc Địa) mới chấp thuận.

Gánh nặng thư lại này có vẻ khác thường, vì đích thân Bộ trưởng Thuộc Địa Paul Giacobbi đã hai lần viết thư cho Bộ Chiến Tranh yêu cầu chấp thuận thỉnh nguyện "rất chính đáng" của Vĩnh San. (23)

23. Thư số 870/CAB, ngày 26/12/1944, và thư ngày 31/1/1945; Ibid.

Trong thư ngày 31/1/1945, Giacobbi thúc Bộ Chiến Tranh tiến hành gấp các thủ tục, vì đã có một "sự đồng ý trên nguyên tắc" về việc đầu quân của Vĩnh San. Nhưng vì không hoàn toàn thỏa mãn với ý kiến của Nha Quân Vụ (Bộ Thuộc Địa), Nha Quân lực Thuộc Địa (Bộ Chiến Tranh) lại gửi văn thư xin giải thích thêm. Một chu trình thư lại khác khởi sự.

Phản ứng chậm trễ từ Paris khiến Vĩnh San thêm nôn nóng. Ngày 3/3/1945, sau khi nhận được huy chương Kháng chiến, Vĩnh San tâm sự với Lelong nỗi khắc khoải của mình:

Xin ông hãy hủy thư này [sau khi đọc xong] vì tôi cảm thấy quá xấu hổ khi phải viết nó. Nhưng chiếc máy bay đó đã không mang lại cho tôi cái lệnh mà tôi hằng chờ đợi, [bởi thế] tôi cảm thấy tuyệt vọng đến độ không thể không gieo mình vào vòng tay bạn bè...

Dù bằng tàu thủy hay máy bay, và cho dầu phải đổi trạm ở Madagascar, hãy giúp tôi được lên đường; sự thúc đẩy duy nhất của tôi là ý nghĩ sẽ chỉ có một hồi kết cuộc: **tôi sẽ có mặt ở đó, trong lửa đạn...** (24)

24. Ibid. Sau này, Laurentie nghĩ rằng "một ông Tướng" đứng đằng sau việc đánh bóng tên tuổi Vĩnh San. Có lẽ Laurentie muốn nhắc đến Lelong; *De Gaulle et l'Indochine* (1982), p 242.

Lelong bèn chuyển thư này cho Jean de Raymond, đại diện Bộ Thuộc địa tại Kandy, nhờ can thiệp. Ngày 30/3, de Raymond chuyển tiếp thư Vĩnh San về Sở Đông Dương. Nhưng gần hai tháng sau, ngày 21/5/1945—khi Hitler đã tự tử, và Germany đầu hàng—Giám Đốc Nha Chính Trị Bộ Thuộc Địa là Henri de Laurentie mới nhận được thư trên.

Trong khi đó, nhân dịp Thébault về Pháp nghỉ, Vĩnh San nhờ Thébault tìm cách vận động cho mình được qua Germany chiến đấu trước ngày ngưng bắn. (25)

25. Thébault, "Le tragique destin;" *France Asie/Asia*, (1970), p 14.

Giữa lúc công ty Capagorry ra sức tiến cử Vĩnh San, cuộc hành quân "Meigo" của Quân Đoàn 38 Nhật ở Đông Dương lật đổ chính quyền Decoux (20/7/1940-9/3/1945), và những hậu quả của nó khiến Vĩnh San có cơ hội rời bỏ hải đảo lưu đầy. (26)

26. Vũ Ngự Chiêu, "The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet-Nam (March-August 1945);" *Journal of Asian Studies*, XLV:2 (Feb 1986), pp 293-327, và Idem., "Social and Political Change" (1984), chương VII-VIII.

II. "MÁU PHÁP THẨM ĐÔNG DƯƠNG:"

Thoạt tiên, de Gaulle muốn sử dụng lực lượng tàn quân Pháp trốn thoát qua Thượng Lào của Tướng Marcel Alessandri và Gabriel Sabattier để phát động một cuộc kháng chiến chống Nhật tại nội địa Đông Dương. Sabattier được phong làm

Tổng Tư lệnh Quân lực, kiêm Tổng Đại biểu [*Délégué Général*], với mật lệnh phải ở lại trong lãnh thổ Đông Dương bằng mọi giá. Paris cũng nhấn mạnh rằng chức Tổng đại biểu chỉ có giá trị nếu Sabattier không rút khỏi Đông Dương. (27)

27. Công điện số 553-564, ngày 21/4/1945; CAOM (Aix), INF, Carton 124, d. 1116.

Ngày 23/3/1945, Hội đồng chính phủ Pháp chấp thuận bản Tuyên cáo về vấn đề Đông Dương—**5 xứ Đông Dương sẽ được hưởng nhiều tự trị hơn, trong Liên bang Đông Dương, thuộc Liên Hiệp Pháp.** Tác giả bản tuyên cáo này là de Laurentie, và R. Saller, một chuyên viên thiết kế. (28).

28. *JOFI* (Sài Gòn), I [*Nouvelle série*]:1, 15 nov 1945, pp 2-3

Trước sự truy kích gắt gao của Nhật, đầu tháng 5/1945, hơn 5,000 tàn quân Pháp phải kéo vào tị nạn trong lãnh thổ Hoa Nam, chấm dứt giấc mộng "kháng Nhật" của De Gaulle. Dẫu vậy, trên bình diện ngoại giao, cuộc hành quân "Meigo" của Nhật mở ra cho chính phủ de Gaulle cơ hội tái xác định "chủ quyền" của Pháp tại Đông Dương.

A. CHUẨN BỊ TÁI CHIẾM ĐÔNG DƯƠNG:

Từ đầu Thế chiến thứ hai, do nhu cầu tình báo chiến thuật và chiến lược, chính quyền thuộc địa Bri-tên ở Ma-lay-si-a (Mã Lai Á) đã bắt đầu tuyển mộ công dân Pháp để hoạt động tình báo trong lãnh thổ Đông Dương. Hai nhân vật được biết nhiều nhất là Trung tá Tuttenges và Francois de Langlade, một nhân viên đồn điền cao-su ở Malaysia. Năm 1941, Langlade đã bí mật vào Đông Dương thiết lập được vài tổ "kháng chiến Pháp Tự do." Nhưng trong hai năm 1942-1943 các tổ chức "kháng chiến Gaullist" không có hoạt động gì đáng kể. Một trong những lý do là Decoux chủ trương hợp tác chân thành với Nhật, và nhiệt tình thực hiện một cuộc "cách mạng quốc gia" dưới chiêu bài Cần Lao-Gia Đình-Tổ Quốc [*Travail, Famille, Patrie*]. Thêm vào đó, Decoux thẳng tay truy diệt "bọn phản loạn de Gaulle" trong nội địa Đông Dương. (29)

29. Vũ Ngự Chiêu, "Social and Political Change" (1984), chaps II & III. Chúng tôi chỉ ghi chú xuất xứ những tài liệu khác khi cần. Xem thêm Francois de Langlade, "Résistance en Indochine," *Historia*, pp 8, 10, 144. Trong số những "tổ" Gaullist đầu tiên có Mario Bocquet và William Bazé.

1. Nhóm Meynier:

Từ năm 1943, Trung tá [Commodore] Milton E Miles—Chỉ Huy trưởng lực lượng Hải quân Mỹ tại Trung Hoa, và Giám đốc Sở Tình Báo Chiến Lược [*Office of Strategic Services*, hay *OSS*] Mỹ tại Viễn Đông, kiêm Phó Giám đốc Tổ Chức Hỗn Hợp Trung-Mỹ [*Sino-American Co-operative Organization*, hay *SACO*], cơ

quan tình báo trung ương của chính phủ Trùng Khánh do Đới Lập làm Giám đốc—bắt đầu tổ chức một mạng lưới tình báo chiến lược trong lãnh thổ Đông Dương. Miles giao trách nhiệm này cho Thiếu tá Robert Meynier, ủng hộ viên của Henri Giraud, một danh tướng Pháp được Mỹ và Bri-tên ưa thích. Meyrier không những chỉ chống Germany, ghét Bri-tên, và thân Mỹ, mà còn là cháu rể Hoàng Trọng Phu. Tổ chức của Meynier phát triển khá mạnh, cấy sâu được nhân viên trong các cơ quan hành chính, và ngay cả phòng nhì (tình báo quân đội) Pháp. Tuy nhiên, hoạt động của Meynier ngày thêm khó khăn. Một mặt, Meynier bị nhóm Gaullist tại Hoa Nam—tức tổ chức *Mission Militaire Francaise* (MMF hay M5) do "Đại tá" Zinovic Pechkoff chỉ huy ganh ghét, phá hoại.(30)

30. Milton E Miles, *A Different Kind of War* (New York: Macmillan, 1966); CAOM (Aix), GGI, AP, Carton 3441. Xem thêm hoạt động của Lương Vũ, trong *Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu, Tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản lần thứ nhất, có bổ sung (Houston: Văn Hoá, 1997).

Một cựu chiến binh Thế chiến I, con nuôi Gorki, Pechkoff đã cụt một tay, được cử làm đại diện của de Gaulle bên cạnh chính phủ Tưởng Giới Thạch từ ngày 29/6/1943. Hơn một tháng sau, ngày 31/7/1943 Thạch cắt đứt quan hệ ngoại giao với Vichy, vì Vichy đã bàn giao các nhượng địa Pháp tại Trung Hoa cho chính phủ thân Nhật Uông Tinh Vệ ở Nam Kinh. Mặt khác, phe thân Vichy tại Đông Dương nghi ngờ Meynier có liên hệ với Pháp tự do [Gaullist]. Bởi thế, giữa năm 1944, Meynier phải rời Trung Hoa, để lại lưới tình báo cho Miles và các viên chức Mỹ sử dụng. (31)

31. Miles, Báo cáo về hoạt động của SACO tại Đông Dương, pp 1-22; Milton E Miles Papers, Office of Naval History; Ronald H Spector, *Advice and Support: The Early Years of the United States Army in Vietnam, 1941-1960* (New York: Free Press, 1985), p 25.

Tưởng cũng nên ghi thêm rằng mùa Xuân 1943, Miles còn thực hiện một kế hoạch tình báo khác do George Devereux, một nhà nhân chủng học phục vụ trong Ban Tham mưu của Miles, đề xướng, và được Bộ Hải quân, cơ quan OSS, cũng như Tướng Chennault ủng hộ. Kế hoạch này dự định thả vào cao nguyên Trung bộ, gần Kontum, 20 chuyên viên để thu phục các sắc dân thiểu số như Ê-đê, Gia Rai v.. v.. Các chuyên viên này bắt đầu chương trình huấn luyện tại Fort Benning, tiểu bang Georgia từ tháng 6/1943. Tuy nhiên, do sự hiềm khích với tổ chức M-5 của phe Gaullist, sự kình chống giữa OSS và Bộ Hải quân, cũng như giữa các viên chức Mỹ và Trung Hoa tại Hoa Nam, cuối cùng kế hoạch trên phải hủy bỏ. (32)

32. Văn thư ngày 7/5/1943, Miles gửi Donovan; "A Program for Guerrilla Warfare for Indochina, 4/1943; Văn thư, Chennault gửi Capt Miles; Miles Papers, Office of Naval History; Spector, *Advice and Support* (1983), pp 25-7.

2. Phe Gaullist:

Ngày 25/3/1943, một Đại úy Pháo thủ Pháp tại Lạng Sơn là Philippe Milon đào ngũ qua Hoa Nam, tìm đường móc nối với Alger. Ngày 22/4, Milon tới Trùng Khánh; rồi từ đây sang Le Caire [Cairo] vào cuối tháng 5/1943. Năm ngày trước khi Milon tới được Alger, de Gaulle đã đả bại Giraud, lên cầm đầu tổ chức HDGPQG Pháp (tức Ủy ban Alger). Hôm sau, 9/6, cựu Toàn quyền Đông Dương Catroux gặp Milon, và giới thiệu Milon với Đại tá Billotte, Chánh văn phòng của de Gaulle. Billotte cho Milon biết tổ chức MMF ở Trung Hoa đang được cải tổ, do Pechkoff chỉ huy; rồi gửi Milon tới gặp Trung tá Emblanc, người phụ trách tổ chức một đoàn công tác đặc biệt. Sau đó, Emblanc cử Milon về Hoa Nam hoạt động.

Hoạt động tình báo đặc lực nhất của nhóm Pháp tự do là Đoàn Đông Dương [*French Indochina Country Section*, hay *FICS*] của Langlade thuộc Bộ Tư lệnh Đông Nam Á [*South East Asia Command*, hay *SEAC*] tại Kandy, Ceylon (Sri Lanka hay Tích Lan). Toán này gồm toàn công dân Pháp, được gửi đến Meerut (India) để huấn luyện tác chiến đặc biệt từ ngày 8/11/1943. Thiếu tá Jean Boyer de Crèvecoeur chịu trách nhiệm thành lập. Gần bảy tháng sau, ngày 1/6/1944, toán FICS mới chính thức thành hình, dù cán bộ đã bắt đầu công tác bí mật trong lãnh thổ Đông Dương từ đầu tháng 5/1944. Crèvecoeur, lúc này đã được thăng cấp Trung tá, làm việc bên cạnh Bộ Chỉ huy Lực Lượng (Force) 136 của Đại tá Collin McKenzie. Nhân viên FICS ở rải rác tại Kandy, Calcutta và Côn Minh. (33)

33. SHAT (Vincennes), 10H xxx [85]. Bri-tên cũng bí mật tuyển mộ các tù nhân Việt ở Madagascar, đặc biệt là cán bộ CSDD để hoạt động tình báo như Hoàng Đình Rong, Nguyễn Văn Phong (Minh), Lê Giản, Vũ Văn Địch, v.. v..

Sau ngày Đồng Minh đổ bộ Normandie và Provence, cơ quan phản Tình Báo Pháp (DGER) gửi chuyên viên sang điều khiển Đoàn Đông Dương. Ngày 5/8, FICS được cải danh thành Sở Hành Động hay Công Tác [*Service d'Action*, hay SA]. Trong số những chuyên viên gửi tới Meerut huấn luyện cấp tốc có Đại úy "Caille," tức Paul Mus, và Đinh Nho Hàng, gốc Mường, cựu giáo viên tư thục ở Sài Gòn.

Từ mùa Thu 1944, gián điệp Pháp gia tăng hoạt động phá hoại, và đôi khi trực tiếp hướng dẫn các cuộc oanh tạc của Đồng Minh. Tháng 3/1945, Sở Công tác có 6 toán chính tại Đông Dương. Tại Bắc Kỳ có Toán "Rivière" do Trung tá Vicaire chỉ huy; gồm 7 trạm liên lạc vô tuyến ở Hà Nội, Móng Cáy, Thông, Lạng Sơn, Sơn La, Thái Nguyên và Điện Biên Phủ. Tại Lào có Toán "Donjon" do Thiếu tá Meyer chỉ huy, sau được tăng cường Thiếu tá Imfeld. Có 5 đài vô tuyến ở Viêng Chăn [Vạn Tượng], Paksane, Van Vieng, Xiêng Khoảng và Kankai. Bắc Trung Kỳ có Toán "Mederic" tại Vinh, do Đại úy Desprez chỉ huy. Trung Kỳ có Toán "Pavie" do Giraud chỉ huy. Có 4 trạm liên lạc ở Huế, núi Asap,

Savannakhet và Qui Nhon. Nam Kỳ có nhóm "Legrand," dưới quyền Kỹ sư Nicoleau. Có 3 đài vô tuyến ở Sài Gòn, Hón Quán và Ban Mê Thuột. Cao Miên có toán "Mangin," do Plasson cầm đầu. Trạm vô tuyến Nam Vang liên lạc thường xuyên với Calcutta. Nhờ các ổ "kháng chiến" này, phi cơ Đồng Minh có những tin tình báo khá chính xác trong những cuộc oanh tạc hải cảng Cam Ranh, Sài Gòn và Nam Vang vào đầu năm 1945, gây tổn thất nặng nề về nhân mạng cũng như tài vật. Chiến thắng tiêu biểu ngày 12/1/1945, Nhật mất khoảng 50 tàu đủ loại, 150 thủy phi cơ. Trung tá Miles ở Trùng Khánh xin tên những người có công để ban thưởng. (34)

34. "Note sur l'activité du Service d' Action (12/1945);" pp 9-10; Ibid.

Từ hạ bán năm 1944, tổ chức các toán tình báo, sử dụng 60 nhân viên Pháp, cùng mật báo viên quân cũng như dân sự. Cung cấp các tin thời tiết, đường xá, v.. v.. cho Bri-tên, Mỹ, TH. Wu, nhân viên tình báo của Tướng Wai tại Côn Minh, được che chở ở Hà Nội. Vận chuyển cán bộ Tình Báo Trung Hoa từ Côn Minh tới Quảng Tây. Giám mục Wei qua Lào vận động, thăm thú tình hình. 15 cán bộ Bri-tên được đưa từ Xiêm tới Móng Cái. Hợp tác chặt chẽ với Mỹ. Trực tiếp tại Ban Houei Sai và Cao Bằng. Hợp tác với Gordon, nhưng có sự nghi ngờ về tham vọng cá nhân và hậu ý chính trị nên trở thành chống đối và thù nghịch. Pháp cử Thiếu tá KQ Noel làm sĩ quan liên lạc tại BTL KQ Mỹ. Liên lạc truyền tin giữa Đông Dương và BTL KQ ở Mindore. [tr. 11]

Từ tháng 11/1943, HÐGPQG Pháp cũng thành lập một đơn vị tác chiến đặc biệt là Lực lượng Can thiệp nhẹ [*Corps léger d'intervention hay Commando*] tại Bắc Phi, dưới quyền Trung tá P Huard. Nhưng mãi tới tháng 10/1944, sau khi Mỹ và Bri-tên đã chính thức nhìn nhận chính phủ de Gaulle, Tướng René Blaizot mới được giao trách nhiệm thành lập Lực lượng Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông [FEFEO], bản doanh đặt tại Calcutta.

B. Mặt Trận Chính Trị:

Cho tới năm 1944, mặc dù có những nỗ lực tại Hoa Nam, ảnh hưởng phe Gaullist không đáng kể tại nội địa Đông Dương. Một trong những lý do chính là sự thù nghịch giữa hai phe Vichy hay "Pétainist" và "Gaullist." Phe Vichy đã nhiều lần nhục mạ de Gaulle là Pháp gian, tay sai của Bri-tên và tài phiệt Jews (Do Thái), và lên án tử hình khiếm diện de Gaulle cùng các thuộc hạ như Jean de Lattre de Tassigny, Philippe Leclerc v.. v...

Công tác ưu tiên hàng đầu của phe Gaullist là thiết lập những cơ sở Pháp tự do tại nội địa.

1. Thiết lập Chính Phủ Đen:

Để xúc tiến việc cướp chính quyền tại Đông Dương, từ tháng 2/1944, de Gaulle chọn Tướng Mordant, Tư lệnh Lục quân Đông Dương và cũng là người bị Decoux bạc đãi, làm Tổng Đại diện phe Pháp tự do. Ngày 6/7/1944, Thiếu tá Langlade (danh hiệu Lutèce), đặc phái viên của de Gaulle, nhảy dù xuống Bắc Kỳ (Hành quân Belief 1), rồi cùng Milon vào Hà Nội, trao thư riêng của de Gaulle cho Mordant. Lúc này Mordant đã về hưu, nhưng đương kim Tư lệnh Lục quân Pháp tại Đông Dương là Georges Aymé cũng xin qui phục. Vì người môi giới duy nhất mà phe Gaullist tin tưởng là Claude de Boisanger, cố vấn ngoại giao của Decoux, đang vắng mặt, Langlade quyết định không tiếp xúc với Decoux. Trong chuyến đi này, Langlade cũng thiết lập được một điện đài liên lạc trực tiếp với Calcutta.

Sau khi được Langlade báo cáo tình hình Đông Dương, ngày 23/8/1944, de Gaulle chính thức bổ nhiệm Mordant làm Tổng Đại diện ở Đông Dương. Tướng Blaizot được giao phụ trách quân sự, và Langlade, chính trị. (35)

35 Ibid., 10 H xxx [85]; *De Gaulle et l'Indochine*, (1982), p 60; Patti (1980), pp 30-1 [ghi ngày 4/7/1945]. Trong chứng từ trên báo *Historia*, Langlade ghi rằng chuyến công tác này thực hiện sau tháng 8/1944 (tr.10). Có lẽ Langlade nhớ lầm.

2. Thuyết Phục Decoux:

Decoux chống đối phe Pháp tự do từ ngày quyết định nhận chức Toàn quyền vào tháng 7/1940. Nhiều cán bộ tình báo Pháp tự do—kể cả Pierre Boule, tác giả *Le pont de la rivière Kwai* [*Cầu sông Kwai*] sau này—đã bị đưa ra toà án binh xét xử và kết án tù. Năm 1942, nhân danh Thượng sứ Thái Bình Dương, Decoux còn dự định tấn công tái chiếm Nouvelles Calédonies khi thuộc địa này ngã theo de Gaulle.

Từ cuối Xuân 1944, Decoux tìm đủ cách liên lạc với Ủy Ban Alger, nhưng không có hồi âm. Bởi thế, ngày 20/8/1944—khi quân Đồng Minh đang tiến vào Paris—Decoux công bố một nghị định do Pétain ký từ trước, tự đảm nhiệm chức Thượng sứ Pháp tại Thái Bình Dương. Hành động này phần nào do lời cố vấn của Đại sứ Yoshizawa (Phuong Trạch) Kenkichi trước ngày hồi hương; vì chính phủ Nhật đang theo dõi mọi hành vi của Decoux. Và, thực ra, Bộ Tư lệnh Nhật tại Đông Dương đã có sẵn kế hoạch lật đổ Pháp, nếu cần.

Ngày 31/8/1944, Decoux cùng Đại sứ Pháp ở Nhật Henri Cosme và Lãnh sự Thượng Hải Roland de Margerie gửi cho chính phủ de Gaulle một công điện—được biết như "**Message à trois**"—yêu cầu Paris đừng làm gì thương tổn giao tình giữa Nhật và chính phủ Lâm thời Cộng Hòa [GPRF]. Tháng 10/1944, chưa nhận được tin gì từ De Gauule, Decoux lại sai một sứ giả về Paris, nhưng người này bị phe Gaullist tâng lờ. Decoux đành phải liên lạc với Tham Mưu trưởng Hải Quân Lemonnier. Bộ Thuộc địa Pháp, lúc này còn ở Alger, vẫn không một phản ứng.

Mãi tới ngày 12/9, Alger mới báo về Paris rằng Tướng Aymé (bí danh Pierre) điện báo là Decoux xin liên lạc. (36)

36. Decoux, *A la barre*, "Document IV," pp. 372, 497-99, 500; SHAT (Vincennes), 10H xxx [82].

Ngày 27/10—sau khi Mỹ, Bri-tên và Liên Xô công nhận chính phủ lâm thời của de Gaulle tại Paris—Aymé mới chính thức cho Decoux biết về tổ chức Pháp tự do của Mordant. Bốn ngày sau, 31/10, Decoux (với bí danh Diogène), qua trung gian Mordant, than phiền với Paris là những hoạt động bí mật của tổ chức Pháp "mới" đặt Decoux vào một tình trạng khó xử với Nhật. Decoux cũng đề nghị sẽ cải tổ Đại Hội Đồng Đông Dương thành Hội Đồng Đông Dương (Conseil d'Indochine) để đưa Mordant vào với chức vụ Tổng Thanh tra quân lực. Cuối công điện, Decoux xác định xin qui phục. (Ibid., 10H xxx [84]) Hôm sau, 1/11, Mordant điện cho Calcutta, lập lại đề nghị giữ Decoux tại chức làm bình phong.

Ngày 6/11, Bộ trưởng Thuộc địa René Pleven chấp thuận sự qui phục của Decoux. Một tuần sau, do lệnh trực tiếp từ de Gaulle, Langlade rời Calcutta vào Đông Dương lần thứ ba. Từ Côn Minh, Langlade nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, và từ đây được dẫn về Hà Nội ngày 19/11. Ngày 29/11, Langlade gặp Decoux. Langlade đồng ý việc bổ nhiệm Mordant làm Tổng Thanh tra, nhưng tạm thời chưa công bố để chờ dò xét phản ứng tân đại sứ Matsumoto Shunichi. Ngày 10/12, Langlade lại rời Đông Dương qua ngã Lạng Sơn.

Về tới Paris ngày 15/12/1944, hơn hai tháng sau Langlade được cử làm Tổng Thư ký Ủy Ban Liên Bộ Đông Dương [*Comité interministériel d'Indochine*, thường gọi tắt là *Comindo*], trực thuộc văn phòng Thủ tướng Pháp. Thành lập ngày 21/2/1945, Comindo là cơ cấu trung ương đầu tiên có tiếng nói cuối cùng về Đông Dương. Đích thân De Gaulle là Chủ tịch Comindo, và các thành viên gồm Bộ trưởng Ngoại Giao, Thuộc địa, Tài chính, Chiến tranh, Hải quân, Không quân, cùng Tổng Tham Mưu trưởng quân lực và Tổng Giám Đốc Nghiên cứu và Sưu Tầm (DGER, tức cơ quan tình báo). (37)

37. Ibid., *De Gaulle et l'Indochine*, 1981, p 61; Patti 1980, p 39.

3. Vấn Đề Bản Xứ:

Trong những năm đầu Thế Chiến thứ hai, phe de Gaulle chưa có một chính sách bản xứ rõ ràng. Mãi tới ngày 8/12/1943—nhân dịp kỷ niệm đệ nhị chu niên ngày tuyên chiến với Nhật—de Gaulle mới nhắc đến Đông Dương, hứa hẹn sẽ thực hiện một cuộc cải cách chính trị và kinh tế, trong khuôn khổ "**Communauté française**" [cộng đồng Pháp]. (38) Ít lâu sau, nhân chuyến viếng thăm Brazzaville, de Gaulle lại nhắc đến tiếng "**Communauté Française**."

38. *Journal Officiel de la Fédération Indochinoise [JOFI]* (Saigon), 57:1 (Nouvelle série), 15/11/1945, p 2.

Do tình thế đặc biệt tại Hoa Nam, từ mùa Hè 1944, các viên chức Pháp bắt đầu liên lạc với Việt kiều tại đây. Một trong những người được Pháp tiếp xúc đầu tiên là Phạm Việt Từ, tức Phạm Tuân, một đảng viên *Hội Giải Phóng* tại Côn Minh. Các nhân viên ngoại giao và gián điệp Pháp cũng từng tiếp xúc với các lãnh tụ *Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội* [*Việt Cách* hay *Đồng Minh Hội*] và *Việt Nam Quốc Dân Đảng* [VNQDD] như Trương Trung Phụng, v.. v.. Tuy nhiên, hầu hết các Việt kiều đều không thỏa mãn với những lời hứa hẹn của de Gaulle qua bản tuyên ngôn Brazzaville. (39)

39. Ngày 7/10/1944, Bộ trưởng Thuộc địa René Pleven cho lệnh Langlade [Lutèce] liên lạc với Phạm Việt Từ. Trong nội địa, Mordant liên lạc chặt chẽ với Phan Amh và Hoàng Xuân Hãn, một cựu sinh viên Politechniques.

Đầu năm 1945, Paul Mus, trưởng ban Chiến tranh Chính trị tại Bộ Tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Pháp của Blaizot ở Calcutta, cũng vào tới Hà Nội dưới bí danh Đại úy "Caille (chim Cút)." Là một Pháp kiều sinh trưởng tại Việt Nam, Mus nói tiếng Việt thông thạo và hiểu biết phần nào về xã hội Việt—qua lăng kính thuộc địa và tự tôn Pháp. Mus tiếp xúc với nhiều giới thượng lưu Việt thân Pháp kể cả Phạm Quỳnh, Hồ Đắc Điem... với ý định lựa chọn hai ứng cử viên Việt vào Nghị viện Đông Dương trong tương lai. Sự hiện diện của Mus, và nhất là những hành động quá lộ liễu của Mordant—dưới sự kiểm soát chặt chẽ của gián điệp Nhật—khiến ngày 24/2/1945, Decoux phải than phiền với Calcutta, vì sợ rằng sẽ gặp phản ứng thô bạo của Nhật. Nhưng những lời khuyên can thận trọng của Decoux bị nhóm Gaullist phản ứng một cách nghiêm khắc. Ngày 26/2, Sở Công Tác ở India cảnh cáo Decoux phải biết giới hạn trong nhiệm vụ được giao phó; và Paris chỉ có một Tổng Đại biểu là Mordant. Ít ngày sau, 3/3, de Gaulle gửi cho Decoux một công điện với nội dung tương tự. Những sĩ quan Gaullist trẻ không dấu sự thù ghét của họ với Decoux nói riêng, và phe Pétainist nói chung. Những quan tâm của Decoux bị đánh giá là tham vọng thủ diễn một vai trò, quên đi thân phận “hợp tác” với kẻ thù phát-xít Nazi. (40)

40. Xem, chẳng hạn, chi tiết việc dẫn giải Decoux từ Hón Quân về Pháp, và thái độ các viên chức Gaullist trong Phụ Bản [Annexe] 6: *L’Affaire Decoux*; Amiral [Georges] Thierry d’Argenlieu, *Chronique d’Indochine, 1945-1947* (Paris: Michel, 1985), pp 423-26; cuộc gặp mặt giữa Decoux và De Gaulle, Decoux, *À la barre* (1949), pp 476-81; Claude de Boisanger, *On pouvait éviter la guerre d’Indochine: Siouvenirs, 1941-1945* (Paris: Maisonneuve, 1977), pp 145-146.

C. Mặt Trận Ngoại Giao:

Mặt trận cam go nhất của phe Gaullist trong giai đoạn này, thực ra, là mặt trận ngoại giao.

Như chúng ta đã biết, trước Thế Chiến thứ hai, Pháp được coi như một cường quốc. Sau khi Pétain xin đầu hàng quân Nazi của Hitler trong vòng sáu tuần lễ ngắn ngủi, rồi đồng ý cho Nhật đưa quân vào Đông Dương từ tháng 7/1940, uy tín Pháp xuống thấp cùng độ. Chính phủ Mỹ và ngay cả Trung Hoa cho rằng Pháp không còn xứng đáng danh vị một cường quốc nữa. Cá nhân Tổng thống Roosevelt nhiều hơn một lần phát biểu rằng Pháp sau này khó mà đứng được hai chân trên mặt đất.

1. Roosevelt & Kế Hoạch Hậu Chiến "Quốc Tế Quản Trị":

Một trong những kế hoạch của Tổng thống Roosevelt gây nhiều tranh luận nhất là sẽ đặt Đông Dương dưới sự quản trị quốc tế [international trusteeship] sau khi chiến tranh chấm dứt, với Trung Hoa hoặc Bri-tên giữ nhiệm vụ quản trị.

Ý định lấy Đông Dương khỏi đế quốc Pháp được Roosevelt đề cập lần đầu tiên vào mùa Xuân 1942, sau khi Pierre Laval—người nổi danh thân Hitler và bị gán tặng biệt hiệu "Kẻ Đào Mộ" nền Đệ Tam Cộng Hoà Pháp—lên làm Thủ tướng chế độ Vichy. Tháng 5/1942, Roosevelt tuyên bố với đại diện Đồng Minh tại Hội Đồng Chiến Tranh Thái Bình Dương là Pháp không xứng đáng trở lại Đông Dương nữa. Cuối năm 1942, khi Đồng Minh đã đổ bộ ở Bắc Phi, Roosevelt bắt đầu nói rõ hơn về kế hoạch hậu chiến này. Tháng 1/1943, Roosevelt nói với các Tướng thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Mỹ rằng một số thuộc địa của Pháp, đặc biệt là Đông Dương, sẽ không được hoàn trả cho Pháp. Hơn hai tháng sau, nhân dịp Ngoại trưởng Anthony Eden của Bri-tên qua Washington bàn một số vấn đề hậu chiến, Roosevelt chính thức nêu lên kế hoạch "quốc tế quản trị"—một giai đoạn chuyển tiếp sang độc lập, do một ủy ban quốc tế cai trị.

Trong hai năm 1943-1944, Roosevelt nhiều lần nhắc đến kế hoạch trên, và vận động sự ủng hộ của Liên Xô cũng như Trung Hoa tại Hội nghị các Ngoại trưởng ở Mat-sco-va vào tháng 10/1943, Hội nghị Thượng đỉnh Cairo (Egypt) với Tướng Giới Thạch, từ 22 tới 26/11/1943, và rồi tại Hội nghị tam cường Tehran ít ngày sau (28/11/1943). Mặc dù Churchill chống đối, trên đường trở lại Mỹ vào cuối năm 1943 Roosevelt công khai tuyên bố kế hoạch trên, và ngụ ý rằng Trung Hoa cùng Mỹ sẽ thủ vai "cảnh sát viên" Á Châu. [Tài liệu Cộng Sản VN dùng thuật ngữ "sen-đâm," tức Gendarmerie, Hiến Binh]

Tháng 1/1944, khi đang hoạch định sách lược hậu chiến, London chỉ thị Đại sứ Frederick Wood (tức Lord Halifax) yêu cầu Washington minh xác về những lời tuyên bố trên. Roosevelt khẳng định với Wood đó là điều Mỹ muốn thực hiện. Ngày 24/1, khi trả lời phiếu trình của Ngoại trưởng Cordell Hull mười ngày trước về tình trạng Đông Dương sau chiến tranh (Wood đã gặp Hull ngày 3/1 về cùng vấn đề trên), Roosevelt thuật lại buổi đối thoại với Wood, và nhấn mạnh:

... Pháp đã được xứ này—gồm 30 triệu dân gần một trăm năm mà dân chúng còn khổ sở hơn cả buổi đầu.

... [T]ôi được Thống chế Tưởng Giới Thạch cũng như Thống chế Stalin hết lòng ủng hộ. Tôi không thấy có gì phải bận tâm với Bộ Ngoại Giao Bri-tên về vấn đề này. Lý do duy nhất họ chống lại là sợ rằng sẽ ảnh hưởng đến các thuộc địa của họ và của Dutch [Hoà Lan]....

Mỗi trường hợp, dĩ nhiên, phải riêng biệt, nhưng trường hợp Đông Dương thì quá rõ ràng. Pháp đã vất vả xứ này cả trăm năm. Dân Đông Dương xứng đáng được những gì tốt đẹp hơn. (41)

41. Cordell Hull, *The Memoirs of Cordell Hull*, vol II (New York: Macmillan, 1948), p 1466; *FRUS, The Conferences at Cairo and Tehran, 1943* (Washington, DC: GPO, 1961), pp 864, 872-73; Vũ Ngự Chiêu, "Political and Social Change," (1984), pp 493-498.

Động lực phía sau kế hoạch quốc tế quản trị, tưởng cần lược nhắc, từng gây nhiều bàn luận sôi nổi. Đa số các nhà sử học cho rằng nó phản ảnh truyền thống "chống thực dân" [*anti-colonialism*] của Mỹ. Một thiếu sót nhận định là Roosevelt đã chỉ vì lợi nhuận riêng của Mỹ [*self-interest*]. Bernard B Fall, một học giả gốc Pháp, nghĩ rằng động lực chính của kế hoạch này là thái độ ghét Pháp của Roosevelt và tham tâm với tài nguyên thiên nhiên ở Đông Dương của Mỹ. Theo Gabriel Kolko, một học giả Marxist, thì kế hoạch quốc tế quản trị "được thúc đẩy bởi ý muốn trừng phạt việc Pháp hợp tác với Germany và Nhật, hoặc sự độc lập đáng ghét của de Gaulle, hơn là niềm tin vào giá trị đích thực [*intrinsic value*] tự do cho dân Việt". (42)

42. Năm 1942, sau khi Pháp cho Nhật sử dụng Đông Dương làm bàn đạp tấn công các thuộc địa Âu Mỹ, Roosevelt cho rằng **Pháp đã tự làm đám tang tại Đông Dương**; D'Argenlieu, *Chronique*, (1985), p 26. Theo chúng tôi, kế hoạch "quốc tế quản trị" thoát tiên là một phản ứng của Roosevelt trước quyết định của Pétain; và, đồng thời, có thể cũng chỉ là kế hoạch chiến tranh chính trị nhằm đáp ứng lại chiêu bài "giải phóng," và "tự trị" của Nhật, giống như bản "Tuyên ngôn Đại Tây Dương."

Những lập luận trên đều có phần hữu lý của chúng. Với cá nhân de Gaulle, chẳng hạn, Roosevelt chẳng có vẻ gì ngưỡng mộ. Dưới mắt Roosevelt, de Gaulle không những kiêu ngạo, độc tài mà còn lật lọng. Người mà cả Roosevelt và Churchill ủng hộ để lãnh đạo phong trào chống Hitler là Tướng Henri Giraud. Cuối năm 1942, Tướng Dwight D Eisenhower lại chọn Đô Đốc Francois Darlan cầm đầu Bắc Phi. Sau khi Darlan bị ám sát trước Giáng Sinh 1942, Tướng Giraud lên thay. Churchill còn đưa Tướng Georges từ Pháp qua phụ yá cho Giraud. Nhưng ngày 3/6/1943, khi HĐGPQG Pháp thành lập ở Alger [Algiers], de Gaulle đã bại Giraud.

Sau ngày Đồng Minh đổ bộ ở Normandie, Churchill—người đã có công khám phá ra "viên Tướng trẻ" de Gaulle vào tháng 6/1940 tại Hội nghị Versailles

và đỡ đầu cho de Gaulle xây dựng tổ chức Pháp tự do trong hai năm 1940-1941 — dàn xếp đưa de Gaulle qua Washington gặp Roosevelt từ ngày 6 tới 10/7/1944. Chuyến gặp mặt này khiến Roosevelt đồng ý công nhận chính phủ lâm thời của de Gaulle, nhưng chưa đủ để Roosevelt bỏ ý định tách Đông Dương khỏi ách đô hộ Pháp. Thí dụ như khi Pháp cử Tướng Blaizot làm đại diện tại Bộ Tư lệnh Đông Nam Á (SEAC) ở Kandy, Roosevelt chỉ thị Bộ Ngoại Giao thông báo với London rằng "Ông Churchill và tôi chưa hề chính thức công nhận" sự hiện diện của phái đoàn Pháp. (43)

43. *FRUS 1944*, III:780.

Ngày 16/10/1944, Roosevelt còn nhắc nhở Ngoại trưởng Hull là "chúng ta không được làm bất cứ điều gì liên hệ đến hoạt động kháng chiến [của Pháp] hay bất cứ việc gì liên quan tới Đông Dương." (44)

44. *FRUS 1944*, III:777.

Phần để củng cố uy tín thế giới, phần để cảnh cáo Roosevelt cùng Churchill, ngày 24/11/1944 de Gaulle qua thăm Liên Xô và được Stalin tiếp đãi trọng thể. De Gaulle còn ký một hiệp ước thân hữu với Stalin, mở đường cho các lãnh tụ Cộng Sản Pháp, kể cả Maurice Thorez, được hồi hương sau nhiều năm lưu vong.

Sau khi đã bại phe Trục ở Âu Châu, Roosevelt vẫn chưa chịu rút lại ý định đặt Đông Dương dưới chế độ quốc tế quản trị. Mặc dù quay mặt làm ngơ trước việc phái bộ Blaizot có mặt tại Kandy, Roosevelt chấp thuận quyết định của Hội Đồng Tổng Tham Mưu Liên Quân Mỹ [JAS, hay The Pentagon] là tạm hoãn cấp tàu chuyên chở quân viễn chinh Pháp qua Viễn Đông đánh Nhật cho tới đầu năm 1946.

Trên thực tế kế hoạch quốc tế quản trị của Roosevelt suy yếu dần. Trước áp lực của Bri-tên, Pháp và ngay cả các viên chức ngoại giao Mỹ, Roosevelt đành "tạm gác" mọi việc cho đến khi chiến tranh chấm dứt. Ngày 1/1/1945, Roosevelt viết cho tân Ngoại trưởng Edward D Stettinius, mới thay thế Hull vào mùa Thu 1944:

Tôi vẫn chưa muốn vướng vào bất cứ quyết định nào liên quan đến Đông Dương. Đó là vấn đề hậu chiến. Tương tự như thế, tôi chưa muốn vướng mắc vào bất cứ nỗ lực quân sự nào để giải phóng Đông Dương khỏi Nhật Bản.... Trên cả hai lãnh vực quân và dân sự, hành động lúc này đều chưa hợp thời (premature). (45)

45. Memorandum ngày 1/1/1945, Roosevelt gửi Bộ trưởng Ngoại Giao; *FRUS 1945*, VI: *British Commonwealth and The Far East* (1969), p 293.

Mãi tới Hội nghị tam cường họp tại Yalta, Crimea, từ ngày 4 tới 11/2/1945, kế hoạch quốc tế quản trị Đông Dương mới bị phá sản. Ngày 9/2, khi Stettinius chính thức nêu lên vấn đề "quốc tế quản trị," Churchill cực lực phản đối.

Roosevelt phải yêu cầu tạm ngưng buổi họp; để đại diện Mỹ trấn an Churchill rằng kế hoạch hậu chiến quốc tế quản trị không ảnh hưởng gì đến thuộc địa cũ của các nước Tây Âu. Trên đường về Mỹ, Roosevelt than thở trong một buổi họp báo trên chiến hạm *Quincy* ngày 23/2/1945:

... Tôi đề nghị ... với Tưởng [Giới Thạch], rằng Đông Dương sẽ đặt dưới chế độ [quốc tế] quản trị—có một người Pháp, một hay hai người Đông Dương, và một người Hoa, và một người Nga và có thể một người Phi-lip-pin và một người Mỹ, để dạy họ tự cai trị....

Stalin thích sáng kiến đó. Trung Hoa thích sáng kiến đó. Chỉ có Bri-tên chống lại. Nó có thể phá vỡ đế quốc của họ. (45)

45. Vũ Ngự Chiêu, "Political and Social Change," (1984), p 535.

Thời gian này, tưởng cũng nên lược nhắc, giao tình giữa de Gaulle và Roosevelt ngày một căng thẳng. Mất mặt vì không được tham dự Hội nghị Yalta, ngày 12/2/1945, khi Đại sứ Mỹ Jefferson Caffery chuyển lời mời của Roosevelt hẹn gặp De Gaulle vào khoảng ngày 17/2/1945 tại Algiers (Alger), hôm sau, 13/2, de Gaulle trả lời không thể gặp Roosevelt. (46)

46. *FRUS 1945*, IV:672-673.

Nhưng do áp lực của Bri-tên và các cộng sự viên chủ trương "Ưu tiên số 1 cho châu Âu," Roosevelt vẫn phải xuống thang dần.

Tại Hoa Nam, vì không nhận được chỉ thị rõ ràng nào của Washington, các Tướng Mỹ—kể cả Đại sứ Patrick J Hurley, mới chính thức thay Clarence E Gauss ngày 30/11/1944, và Tướng Albert C Wedemeyer, cũng mới thay Joseph D Stilwell làm Tổng Tham Mưu Trưởng của Tưởng Giới Thạch—tiếp tục chống đối mưu toan tái chiếm thuộc địa của Bri-tên và Pháp. Chỉ riêng Tướng Claire L Chennault, Tư lệnh Không đoàn 14, tiếp tục sử dụng các toán tình báo M-5 trong các cuộc oanh tạc miền bắc Đông Dương.

Bởi vậy, hiềm khích giữa Wedemeyer và Đô Đốc Louis Mountbatten, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Đông Nam Á (SEAC)—mà các sĩ quan Mỹ thường gọi trệch đi là **Save England's Asian Colonies** tức [Để cứu thuộc địa Á châu của Bri-tên]—bùng nổ vào đầu năm 1945 về vấn đề lãnh thổ trách nhiệm. Từ năm 1943, Đông Dương, theo sự phân định của Bộ Tư lệnh Hối Hợp Tối Cao Đồng Minh, thuộc về lãnh thổ hoạt động của Mặt Trận Trung Hoa dưới quyền Thạch. Nhưng theo Mountbatten, từ tháng 10/1943, Thạch đồng ý cho SEAC mở những cuộc hành quân vào Đông Dương. Nhân chuyến viếng thăm India vào tháng 11/1944, Thạch thêm một lần chấp thuận đề nghị tương tự của Mountbatten. Ngoài ra, theo Đại sứ Bri-tên tại Mỹ, trong tháng 10/1944, Roosevelt đã đồng ý rằng Mountbatten có thể thực hiện những cuộc hành quân phá hoại trong nội địa Đông Dương, nếu cần. (47)

47. . History of US Forces in the China Theater, p. 30, Ms in CMH; Spector, *Advice and Support*, (1983), pp 30, 36; Christopher Thorne, *Allies of A Kind: The United States, Britain and the War Against Japan, 1942-1945* (London: Hamish Hamilton, 1978), p 301.

Wedemeyer và Hurley đều chống lại cái gọi là "thỏa ước của những người lịch sử" (*Gentlemen's agreement*) giữa Thạch với Mountbatten. Họ cho rằng hành động của Mountbatten nằm trong sách lược giúp Pháp tái chiếm Đông Dương. Mùa Hè 1944, sau khi Pháp không chịu báo cáo chi tiết về vai trò của Pháp trong những kế hoạch hành quân bí mật vào lãnh thổ Đông Dương, Wedemeyer cho lệnh cấm phi cơ của SEAC hạ cánh xuống phi trường Côn Minh. Mountbatten bèn cho lệnh sử dụng phi trường Jessore, gần Calcutta, để tiếp tục các cuộc hành quân. Ngày 23/1/1945, phi công Mỹ của Không Đoàn 14 vô tình bắn hạ ba oanh tạc cơ *Liberator* của Bri-tên vì nhận lầm đó là phi cơ Nhật. Cả Mountbatten và Wedemeyer đều yêu cầu thượng cấp can thiệp.

Roosevelt bèn đề nghị với Churchill là tất cả những cuộc hành quân trong lãnh thổ Đông Dương phải do Wedemeyer điều động. Wedemeyer cũng viếng thăm Kandy vào tháng 3/1945 để bảo đảm rằng Mountbatten sẽ chỉ hành quân trong lãnh thổ Đông Dương nếu có sự đồng ý của mình. Nhưng Mountbatten lại nghĩ rằng chỉ cần thông báo cho Wedemeyer biết mà không cần sự chấp thuận của Wedemeyer. (48)

48. *FRUS, vol I: The Conference of Berlin, 1945* (Washington, DC: 1960), p 918; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 48.

Nhân dịp Achilles Clarac, Cố vấn Toà Đại sứ Pháp tại Trùng Khánh, yêu cầu mình xác lập trường của Mỹ về vấn đề Đông Dương, Đại sứ Hurley nói thẳng với Clarac quan điểm của mình: Dù vấn đề Clarac nêu lên thuộc thẩm quyền Bộ Ngoại Giao, nhưng theo ý riêng Hurley, chủ trương đế quốc và độc quyền Đông Dương của Pháp đi ngược lại Hiến Chương Đại Tây Dương ngày 14/8/1941, theo đó phải "tôn trọng quyền của mọi dân tộc được chọn lựa chế độ họ sống." Cho tới tháng 2/1945, thái độ thiếu dứt khoát của Roosevelt về chính sách hậu chiến đối với Đông Dương vẫn còn khiến Wedemeyer phân vân. Khi Tùy viên quân sự toà Đại sứ Pháp gặp Wedemeyer ngày 2/2 để yêu cầu yểm trợ cho quân Pháp trong trường hợp binh sĩ Đông Dương sẽ rút lên vùng rừng núi đánh Nhật, Wedemeyer không hứa hẹn điều gì; và xin chỉ thị Washington. Bộ Ngoại Giao trả lời rằng chưa có một lệnh rõ ràng nào, ngoại trừ điều Roosevelt căn dặn là không can thiệp. (49)

49. Công điện ngày 31/1/1945, và Công điện ngày 6/2/1945, Hurley gửi Bộ trưởng Ngoại Giao; và Công điện ngày 16/2/1945, XLTV Bộ trưởng Ngoại Giao gửi Hurley; *FRUS 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), pp 296-97.

Thực ra, lúc đó lập trường Roosevelt đã phần nào thay đổi. Tại Hội nghị Yalta, trên bán đảo Crimea, Roosevelt bảo Tổng Tham Mưu trưởng Mỹ là Mỹ sẽ "ủng hộ bất cứ điều gì chống lại Nhật, ngoại trừ việc liên minh với Pháp." Bởi thế, ngày 20/2, Xứ lý thường vụ Tham Mưu trưởng lực lượng Mỹ tại Trung Hoa, Tướng Melvin E Gross, cho lệnh các cấp chỉ huy trực thuộc là có thể yểm trợ các đơn vị Pháp về thuốc men, nếu các đơn vị này chống Nhật. Tuy nhiên, hai tuần sau, ngày 7/3, Gross cảnh giác các tư lệnh Mỹ là sự yểm trợ các cánh quân kháng chiến Pháp cần phải giới hạn trong phạm vi thuần quân sự và không thể để Pháp diễn dịch rằng Mỹ ủng hộ các mục tiêu chính trị của Pháp. (50)

50. *FRUS 1945*, VI:297; Công điện, Chennault gửi Gross, 9/3/1945, Wedemeyer File, RG 332; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 30.

Tuy nhiên, một trong những nguồn tình báo của Chennault trong thời gian này là nhóm "GBT" của Laurence Gordon, công dân Canada làm việc cho hãng Cal-Texaco Oil Company, Harry Bernard, một thương gia thuốc lá người Bri-tên, và Frank Tan, một thương gia người Mỹ gốc Hoa. Thoạt tiên nhóm này hoạt động dưới sự điều khiển của Đề Đốc Yang Hsuan Chen, Giám đốc Tình báo của Hội Đồng Hành Quân Trung Hoa, với tiền bạc và dụng cụ do Bri-tên đài thọ. Dần dần, Không đoàn 14 của Chennault ngày một yểm trợ mạnh hơn nhóm này; và vào cuối năm 1944, Không đoàn 14 trực tiếp tài trợ cho nhóm GBT. Cuộc hành quân Meigo hầu như cắt đứt màng lưới thu lượm tin tức của OSS. Đại tá Paul E. Helliwell, Giám đốc sở OSS tại Trung Hoa (tức Detachment 202), ghi nhận vào cuối tháng 3/1945 "Toán GBT bị hạ đo ván, màng lưới Pháp bị phá hủy, và màng lưới của Tướng Đới Lập cũng bị hoàn toàn tan vỡ." (51)

51. Thư ngày 29/3/1945 của Helliwell; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 38

Một mặt, Helliwell thả một toán OSS xuống nội địa Đông Dương theo cánh quân Sabattier và Alessandri. Mặt khác, ngày 20/3, Tướng Gross ký hai chỉ thị cho OSS tại Trung Hoa. Chỉ thị thứ nhất chấp thuận cho OSS tổ chức một hệ thống tình báo trong nội địa Đông Dương như đã dự trù. Chỉ thị thứ hai cho phép OSS cung cấp phương tiện cho tất cả mọi phe phái để chống Nhật. (52)

52. *Intelligence Activities and Aid to Resistance Groups in French Indochina*, PSYWAR 091 Indochina, RG 319; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 40.

Do đó, sau khi Sabattier rút quân qua Hoa Nam vào đầu tháng 5/1945, ngày 9/6, Alessandri thuận giao cho OSS 100 quân nhân Việt để huấn luyện tình báo.(53)

53. Xem nguyên bản Thỏa Ước này trong FIC, Book 2, Wedemeyer Files; Công điện, Helliwell gửi Gross, ngày 23/6/45, tr. 35, 40, CHP K5053, China Theater

Records; R. Harris Smith, *OSS: The Secret History of America's First Central Intelligence Agency* (Berkeley: Univ of California Press, 1973), pp 328-29.

Đáng kể hơn nữa là OSS Mỹ móc nối được với “Hồ Chí Minh” [Nguyễn Sinh Côn], mở ra một trang lịch sử mới cho Việt Nam.

Trong khi đó, liên hệ giữa Wedemeyer và Mountbatten lại thêm một lần căng thẳng. Theo Wedemeyer, khi về Washington, Wedemeyer nhận được những chỉ thị đặc biệt từ chính Roosevelt: **Roosevelt muốn chấm dứt chế độ thuộc địa tại Đông Dương, và quyết định không yểm trợ các hoạt động quân sự của Pháp tại đây.** (53)

53. Trả lời phỏng vấn của Spector ngày 2/21972; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 32.

Bởi thế, vào tháng 5/1945, khi Mountbatten chỉ thông báo quyết định sẽ tổ chức 26 phi vụ vào Đông Dương mà không cần sự chấp thuận của Bộ Tổng Tư Lệnh Trung Hoa, Wedemeyer cực lực phản kháng với Tướng George C Marshall, Tham Mưu trưởng Lục quân, về âm mưu tái thiết lập chế độ thuộc địa tiền chiến của Bri-tên và Pháp tại Đông Nam Á.(54)

54. Công điện, Wedemeyer gửi Marshall, 28/5/45; FIC Book 1, China Theater Records; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 49.

Ngày 28/5, Đại sứ Hurley cũng gửi thư cho tân Tổng Thống Truman, yểm trợ lập trường của Wedemeyer. Theo Hurley, Mountbatten "đang dùng những quân dụng viện trợ và các tài nguyên khác của Mỹ để xâm lăng Đông Dương, và đả bại những điều mà chúng tôi tin tưởng là chính sách của Mỹ, hầu tái thiết lập đế quốc Pháp." (55)

55. Department of State, *FRUS, vol I: Conference of Berlin, 1945*, (1960), p 920.

Điều cả Hurley và Wedemeyer không biết là cái chết đột ngột của Roosevelt tại phòng làm việc ở Georgia ngày 12/4/1945 xếp kín lại hồ sơ kế hoạch "quốc tế quản trị." Ngày hôm sau, 13/4, Thứ trưởng Không quân Robert A. Lovett báo các đại diện Bộ Ngoại Giao, Chiến tranh và Hải Quân trong Hội Đồng Điều Hợp [*State-War-Navy Coordinating Committee*] rằng đã đến lúc phải tái xét quyết định của Roosevelt về Đông Dương. Theo Lovett, sự thiếu kế hoạch hậu chiến về Đông Dương này khiến các cấp lãnh đạo quân sự Mỹ phải bối rối; vì người cầm đầu phái bộ quân sự Pháp tại Washington, Đô Đốc Raymond Fenard, đang thực sự viết chính sách Đông Dương của Mỹ qua việc thăm hỏi mọi cơ quan đầu não. (56)

56. *United States-Vietnam Relations, 1945-1967*, (1971), Book 8, V. B.2:1-2; Blum, 1972:14-5; Spector, *Advice and Support*, (1983), p 44.

Đại diện Bộ Ngoại Giao trình bày rằng sỏ dĩ chưa có được một chính sách rõ ràng vì có sự khác biệt ý kiến trong nội bộ. Một thiếu số—gồm John Carter Vincent, trưởng nha Viễn Đông Vụ, và Abbot Low Moffat, trưởng sở Tây Nam Thái Bình Dương Vụ—đều nghĩ rằng Mỹ phải được đầu vói "sự bành trướng ngày một mạnh của phong trào quốc gia ... tại Đông Nam Á." [*Nguyên văn, "the mounting groundswell of nationalism ... engulfing all Southeast Asia."*] (57)

57. Điều trần của Abbot L. Moffat trong US Congress, Senate, *Hearings Before the Committee on Foreign relations: Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War, 92nd Congress, 2nd Session, 1972, (1973) p 163.*

Nhưng đại đa số—nhất là các viên chức thuộc nha Tây Âu vụ, do H. Freeman Matthews làm Giám đốc—đều chủ trương cần Pháp hợp tác để ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng của Liên Xô. (58)

58. George C. Herring, "The Truman Administration and the Restoration of French Sovereignty in Indochina," *Diplomatic History*, I:1, (Spring 1977):100-1, 116.

Sau hai tuần bàn thảo, mãi tới cuối tháng 4/1945, Bộ Ngoại Giao mới đi đến kết luận là Mỹ không thể chống lại việc tái lập chủ quyền Pháp tại Đông Dương, nhưng sẽ tìm cách khiến Pháp bảo đảm rằng có ý định cho dân bản xứ được tự trị. (59)

59. *Hearings Before the Committee on Foreign Relations: Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War, 92nd Congress, 2nd Session, 1972, (1973) pp 176-77.*

Khi Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc khai mạc tại San Francisco, Mỹ không hề đa động tới vấn đề quốc tế quản trị cho Đông Dương. Một đại biểu của phái đoàn Mỹ, Trung tá Harold E. Stassen, còn tuyên bố rằng độc lập (*independence*) không quan trọng bằng hỗ tương phụ thuộc (*inter-dependence*), và so sánh các khối thuộc địa của Bri-tên hay Pháp như chính phủ liên bang của Mỹ. (60)

60. *FRUS, I: Conference of Berlin, 1945, (1960), pp 790ff.*

Ngày 2/5, Ngoại trưởng Georges Bidault cũng khẳng định Pháp không có ý định đặt Đông Dương dưới chế độ quốc tế quản trị. Sáu ngày sau, 8/5, khi Bidault than phiền rằng báo chí vẫn đình ninh là chính phủ Mỹ có chủ trương tách Đông Dương khỏi Pháp, Stettinius khẳng định rằng "hồ sơ chính thức cho thấy Mỹ chẳng bao giờ đặt câu hỏi, ngay cả ám chỉ, về chủ quyền của Pháp tại Đông Dương." [*Nguyên văn: "It was made quite clear to Mr Bidault that the record is entirely innocent of any official statement of this government questioning, even by implication, French sovereignty over Indochina."*] (61) Rồi, ngày 2/6, Hội Đồng Điều Hợp Mỹ chấp thuận một chính sách về Đông Dương, được ghi vào tập báo cáo khá dài mang tên "Những Vấn Nạn Chính Trị và Quân Sự tại Viễn Đông và Kế Hoạch Sơ Khởi

Hậu Chiến Bại Liên Hệ tới Nhật (*Politico-Military Problems in the Far East and Initial Post-Defeat Policy Relating to Japan*).” (62)

61. Công điện ngày 9/5/1945, XLTV Bộ trưởng Ngoại Giao Grew gửi Caffery; *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), p. 307 [312?]; *United States-Vietnam Relations, 1945-1967* (1971), Book 8:27.

62. *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), pp. 557-68.

Tóm lại, từ tháng 5/1945, ít nữa trên nguyên tắc, Pháp đã chính thức bảo đảm được chủ quyền thuộc địa của mình trên toàn cõi Đông Dương. Giao tình giữa Mỹ và Pháp càng êm thấm hơn sau buổi hội kiến giữa Truman và Bidault ngày 18/5/1945—Truman cho Bidault biết ý định sẽ nhường một phần lãnh thổ Germany cho Pháp chiếm đóng. Ba ngày sau, 21/5, trong buổi tiếp kiến Bidault lần thứ hai, Truman chính thức mời de Gaulle qua thăm Mỹ. Ngày 29/5, de Gaulle chính thức nhận lời. Cuối cùng, hai bên đồng ý gặp nhau ngày 22 và 24/8/1945 (tức 23 và 25/8 lịch Việt Nam). Tuy nhiên, de Gaulle vẫn không được mời tham dự Hội nghị thượng đỉnh Potsdam—nhóm họp tại ngoại ô một thành phố Berlin đổ nát, tiêu điều—để vẽ lại bản đồ thế giới hậu chiến. Ngoài ra, Bộ Tổng Tham Mưu Mỹ cũng cho rằng sự tham chiến của Pháp tại Viễn Đông hầu như chẳng có chút giá trị nào (ngoài các dịch vụ như đầu bếp, tài xế, cắt tóc, v.. v..). Bởi thế, mặc dù de Gaulle chính thức yêu cầu ngày 15/5, và Tướng Alphonse Juin, Tổng Tham Mưu Trưởng Pháp, được Truman tiếp kiến ngày 18/5, hai sư đoàn viễn chinh Pháp không được dành riêng phương tiện để qua Viễn Đông trong năm 1945.

Chắc hẳn Hurley và Wedemeyer đã vô cùng ngạc nhiên khi nhận được những câu trả lời từ Oat-shinh-tân về các công điện của họ. Bộ Ngoại Giao cho Hurley biết mặc dù không có thay đổi căn bản về chính sách, những quyết định tại Yalta và San Francisco "loại bỏ việc thiết lập quốc tế quản trị cho Đông Dương, trừ trường hợp dưới chính phủ Pháp." Ngoài ra, Mỹ hoan nghênh sự tham chiến của quân Pháp tại mặt trận Thái Bình Dương, và quân Mỹ cần hợp tác với Pháp, nếu sự hợp tác này không làm cản trở những kế hoạch đã trù liệu. (63)

63. Công điện ngày 2/6/1945, XLTV Bộ trưởng Ngoại Giao gửi Hurley; *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), p. 312; Công điện ngày 7/6/45, XLTV Bộ trưởng Ngoại Giao gửi Hurley; *United States-Vietnam Relations, 1945-1967* (1971), Bk 8, tr. 30-2. Thực ra, lập trường này đã được Grew đề nghị lên Truman ngày 16/5, và công bố ngày 18/5/1945; *Ibid.*, Bk 8, tr. 27-9.

Trả lời Wedemeyer, Marshall nói thẳng hơn, Bộ Ngoại Giao cảm thấy không cần "hạn chế các hoạt động của Lord Mountbatten trong lãnh thổ Đông Dương," dù cánh quân Alessandri rời lãnh thổ Lào vào Tàu ngày 2/5/1945. Hơn 5,000 lính Pháp và bản xứ được tập trung ở Mông Tự (Mentze) và số còn lại ở Mã Quan (Maguan). (64)

64. Công điện, Marshall gửi Wedemeyer, 4/6/1945, FIC, Book 2; Spector, "Advice and Support," (1983), p 49.

Hurley và Wedemeyer chưa chịu bỏ cuộc, tiếp tục thi hành những lời dặn dò của Roosevelt bất kể việc Truman đã bỏ rơi chính sách "quốc tế quản trị." Nhưng giống như nhóm chuyên viên Viễn Đông tại Bộ Ngoại Giao, sự chống đối của họ chỉ vô dụng. Tại Hội nghị Potsdam, để giải quyết vấn đề lãnh thổ hoạt động giữa Mountbatten và Wedemeyer, phe Bri-tên đề nghị giao cả bán đảo Đông Dương cho Mountbatten. Vì "tự ái" của Thạch, Tổng Tham Mưu trưởng Mỹ đề nghị chia Đông Dương làm hai phần. Cuối cùng, ngày 24/7, vĩ tuyến 16 được chọn làm giới tuyến mới. Khi Nhật đầu hàng ngày 14/8/1945, Đông Dương trở thành hai vùng chiếm đóng riêng biệt của Đồng Minh. Trung Hoa sẽ tiến vào phía Bắc vĩ tuyến 16, trong khi Bri-tên và Pháp chiếm đóng miền Nam.

Có lẽ vì vậy, ngày 26/11/1945, từ Trùng Khánh, trong đơn xin từ chức Đại sứ Hurley đã chỉ trích chính phủ Truman về chính sách ngoại giao cung cấp vật liệu và uy tín để phá hoại dân chủ và giúp phát triển thực dân ["The astonishing feature of our foreign policy is the wide discrepancy between our announced policies and our conduct of international relations. For instance, we began the war with the principles of the Atlantic Charter and democracy as our goal. ...We finished the war in the Far East furnishing lend-leased supplies and using all our reputation to undermine democracy and bolster imperialism. (65)

65. The Ambassador to China (Hurley) to President Truman, Annex no.50, in Department of State, *United States Relations with China* (Washington: Government Printing Office, 1949), pp. 581-84; Vũ Ngự Chiêu, "Won or Lost?," 1977, p 54.

Chẳng rõ, khi viết những dòng chữ khí khái, can đảm trên, Hurley có cơ hội biết qua những phản ứng của De Gaulle về cái gọi là "dụng tâm" của viên chức Mỹ giữa lúc hơn 5,000 tàn binh Pháp trốn chạy khỏi sự săn đuổi của quân Nhật cùng các lực lượng heihō bản xứ? Tối ngày 13/3/1945, chẳng hạn, **De Gaulle gặp Đại sứ Caffery, trách móc về vấn đề Mỹ không yểm trợ cuộc kháng chiến chống Nhật ở Đông Dương; công khai đe dọa là sẽ ngã theo Liên Xô:**

Các ông đang có dụng tâm gì? Phải chăng các ông muốn chúng tôi, chẳng hạn, trở thành một trong những tiểu bang của Liên Xô?....

Khi Germany sụp đổ, sẽ tới lượt chúng tôi.... Chúng tôi không muốn trở thành Cộng Sản; chúng tôi không muốn rơi vào quỹ đạo Nga, nhưng chúng tôi cũng hy vọng các ông không đẩy chúng tôi vào hoàn cảnh đó. [What are you driving at? Do you want us to become, for example, one of the federated states under the Russian aegis?"] (66)

66. Tel 1196, 13/3/1945, 7 p.m., Paris to State; *United States-Vietnam Relations, 1945-1967*, vol VII, p. 65; *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), p. 300.

Tối đó, Phó Tham Mưu trưởng Lục quân Thomas C. Handy điện thoại cho Tướng Wedemeyer tại nhà riêng để chuyển lệnh của Đô Đốc William D. Leahy là cứ tiếp tục giúp bọn "ếch" (Frogs), miễn hồ không làm cản trở kế hoạch hành quân của Mỹ. Vì Wedemeyer không có nhà, người nhận điện thoại là Đại tá Paul W. Caraway vội điện cho Chennault:

Thái độ hiện nay của chính phủ Mỹ là giúp Pháp, miễn hồ sự yểm trợ này không cản trở những kế hoạch hành quân đã dự trù....

Những cuộc hành quân chống Nhật để giúp Pháp có thể do Không Đoàn 14 thực hiện."(67)

67. *United States-Vietnam Relations, 1945-1967*, Book 7:66; Phiếu trình ngày 20/3/1945, Caraway gửi Wedemeyer, Wedemeyer Files, RG 332; Spector, "Advice and Support," (1983), p 34

Bởi thế từ ngày 12 tới 28/3/1945, Không đoàn 14 đã thực hiện 34 cuộc hành quân vào Đông Dương, gồm 43 cuộc oanh tạc, 24 phi vụ thám sát tấn công, và 31 phi vụ thám thính thông thường. Tuy nhiên, vì thời tiết xấu và thiếu cơ phận, số lượng phi vụ yểm trợ không thỏa mãn được mọi nhu cầu của Pháp.(68)

68. Báo cáo ngày 14/4/1945 của Chennault, Wedemeyer Files, RG332; Spector, "Advice and Support," (1983), p 34.

Paris, dĩ nhiên, cực kỳ bất mãn. Chiều 24/3, de Gaulle trách Caffery rằng Pháp chẳng nhận được đồ tiếp tế gì của Mỹ, và Thủ tướng Lâm thời Pháp chỉ có thể cả đoán rằng chính sách của Mỹ là không muốn giúp Pháp.(69)

69. Công điện ngày 24/3/1945, Caffery gửi Bộ trưởng Ngoại Giao; *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), p. 302.

Ngày 5/5, de Gaulle lại thêm một lần đe dọa Caffery rằng Pháp, dù không muốn, sẽ phải ngả theo phe Liên Xô, vì Mỹ không chịu giúp. (70)

70. *FRUS, 1945, VI: British Commonwealth and The Far East* (1969), pp 686-87.

Lời oán trách của de Gaulle không phải không có lý do. Tình trạng tiếp liệu của quân Mỹ tại Trung Hoa—đặc biệt là căng nhót mà Pháp đòi hỏi—vô cùng khan hiếm. Bởi thế mặc dù nhận được công điện cho lệnh yểm trợ Pháp ngày 7/4, Wedemeyer chỉ có thể thả dù cho các lực lượng Pháp thuốc men cùng một số lượng vô cùng giới hạn quân trang, quân dụng.

Đáng sợ hơn cả là phong trào đòi độc lập và tinh thần bài Pháp dâng lên như lửa bốc. Ngay đến những sản phẩm thượng hạng của chế độ Bảo hộ—như anh em Ngô Đình Diệm hay Luật sư Trần Văn Chương, Tổng đốc Phan Kế Toại—đều nghiêng ngả, hướng theo ngọn gió Đại Đông Á. Bởi thế, de Laurentie và Saller vội vã khai sinh Tuyên cáo về tương lai Đông Dương, với hy vọng phản công thế cờ "độc lập, tự do" của Nhật bằng những lời hứa hẹn mơ hồ rằng sẽ cho dân

chúng năm xứ Đông Dương hưởng nhiều tự trị hơn. Đồng thời, guồng máy chiến tranh chính trị Pháp bắt đầu hoạt động mạnh, hy vọng lôi kéo được sự ủng hộ của dân bản xứ.

Cũng vào thời gian này, sinh hoạt tình báo ở Hoa Nam bùng lên một sinh khí mới. Bộ Tư lệnh Đệ tứ quân khu của Trương Phát Khuê thành lập tổ chức *Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội* (tức Việt Cách) qui tụ một số Việt kiều như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Lương Văn Ý và một số nhân vật khác. Hồ Chí Minh, Lê Tùng Sơn, Hoàng Văn Hoan của *Việt Nam Độc Lập Đồng Minh* (tức Việt Minh) cũng hợp tác. Nguyễn Sinh Côn còn nhận làm việc cho Sở Tình báo Chiến lược Mỹ (OSS) dưới bí danh Lucius, và được toán Con Nai (Deer Team) của OSS vào tận vùng rừng núi Tuyên Quang/Thái Nguyên giúp huấn luyện, và trang bị cán bộ Việt Minh với loại vũ khí hiện đại nhất để lo tiếp cứu các phi công Đồng Minh bị bắn hạ. (71)

71. US Congress. Senate. *Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972* (Washington: GPO, 1973), pp. 164 [161-81] Statement of Abbot Low Moffat: Ngày 3/4/1945, BNG tuyên bố quyết nghị của Hội nghị Yalta—*or, voluntarily placed under trusteeship. = public end of trusteeship.* [Report on Deer Mission—Major A[llison] K. Thomas (17/9/1945 tr. 250-65)], [Appendix: Viet Minh League]; 267 [266-71] Withdrawal of Gallagher and Patti [p. 183] Peter Dewey [pp. 183-84]

Phần Pháp, các nhân viên ngoại giao dưới quyền Pechkoff, mới được thăng lên cấp Đại sứ ở Trùng Khánh từ tháng 10/1944, và cán bộ M-5 thì chỉ được lệnh thăm dò ý kiến các phe nhóm Việt về bản Tuyên cáo 24/3/1945 mà không được phép hứa hẹn điều gì. Bởi thế, khi Hồ đề nghị gặp mặt để thảo luận về một giải pháp chính trị—tức một nước Việt Nam thống nhất trong Liên Bang Đông Dương—đại diện Pháp không hồi âm.

Chính trong bối cảnh chính trị đó, lá bài Cựu Hoàng Nguyễn Phước Hoảng—"ông vua làm loạn" được dân Việt kính yêu vượt bội cha con người kế vị—bỗng sáng giá hơn. Ngày 25/3/1945, Alain de Boissieu, mới được thăng cấp Thiếu tá, nhận lệnh rời Sư đoàn 2 Thiết Giáp về Bộ Chiến tranh với trách nhiệm tiếp đón Vĩnh San. (72)

72. *De Gaulle et l'Indochine* 1982, p 176.

Hơn một tháng sau, Bộ Chiến tranh chấp thuận cho Vĩnh San qua Pháp tham chiến.

2. "Tuyên Ngôn Chính Trị" Của Vĩnh San:

Vĩnh San bay qua Madagascar ngày 7/5/1945, nhưng đường sang mẫu quốc vẫn nhiều trắc trở. Tân Tư Lệnh Madagascar, Tướng Henry Casseville, nguyên

Giám Đốc Nha Quân Vụ Bộ Thuộc Địa, chẳng có thiện cảm với Hoàng tử. Nêu lý do chiến tranh mới chấm dứt ở Âu Châu (8/5), Casseville giữ Vĩnh San tại Trung tâm Huấn luyện bộ binh và công binh ở Tananarive, và xin lệnh mới của Bộ Chiến Tranh. (73)

73. Báo cáo số 591/CAB (11/6/1945), Casseville gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105.

Nhờ thời gian ở Tananarive, Vĩnh San làm quen được Etienne Boulé. Boulé từng phục vụ ở Đông Dương, và lúc đó đang cùng Henri de Montpézat cùng Pierre Phạm Đăng Cao phụ trách chương trình phát thanh về Đông Dương. Boulé giúp Vĩnh San viết bài nói chuyện với tư cách một "nhà thông thái lão thành" ẩn danh, nhấn nhủ quốc dân Việt rằng "độc lập" không thể là thứ quà tặng của ngoại nhân. (74)

74. Bài phát thanh này được giới thiệu với những lời công kích nặng nề "kẻ phản bội" Bảo Đại, lúc ấy mới tuyên bố độc lập và hủy bỏ hoà ước 6/6/1884; Ibid.

Hai người còn soạn thảo "Ý kiến về tương lai Đông Dương," sau này được biết như "Tuyên Ngôn Chính Trị" của Hoàng tử Vĩnh San. Bản "Ý kiến" này có điểm khác biệt khá lớn so với Tuyên Ngôn 24/3/1945 của Laurentie và Saller. Mặc dù đồng ý về một "Liên Bang Đông Dương," do một Cao ủy (Haut Commissaire) Pháp cầm đầu với sự cố vấn của một Hội đồng Dân biểu được phác họa trong Tuyên ngôn trên, Vĩnh San và Boulé muốn Đông Dương chỉ có ba xứ (Việt, Miên, Lào) mà không phải năm xứ (Lào, Miên, Nam Kỳ, An-Nam, Bắc Kỳ). Điều này có nghĩa Vĩnh San đòi hỏi thống nhất ba miền Bắc, Trung, Nam; và chính phủ Trung ương sẽ được quyền tự trị, chỉ nhượng đặc quyền ngoại giao và quốc phòng cho chính phủ Liên bang.

Giữa lúc Vĩnh San chờ đợi ở Tananarive, các thân hữu tiếp tục vận động đưa Hoàng tử qua Pháp. Tướng Lelong, đang phụ trách chương trình triển lãm ở Paris, đích thân xin Chuẩn úy Vĩnh San tặng phái cho ban Tham mưu của mình. Thống Đốc Capagorry vận động Trung tá Vernoux của Bộ Quốc phòng, trên đường từ Réunion trở về Pháp, ghé qua Tananarive để gặp Vĩnh San. Về tới Paris, ngày 12/5/1945, Vernoux viết một báo cáo rất tốt về Cựu hoàng. Theo Vernoux, Vĩnh San chứng tỏ rất chân thành trong ước muốn được phục vụ thiết thực cho nước Pháp, đồng thời cũng muốn được tước hiệu cựu chiến binh khi chiến tranh chấm dứt. Ngày 22/5, Bộ Chiến Tranh gửi cho Nha Quân Vụ Bộ Thuộc Địa một bản sao báo cáo trên. Nhưng dù nhận được báo cáo của Vernoux từ ngày 24/5, Nha Quân Vụ Bộ Thuộc Địa vẫn chưa có một ý kiến nào dứt khoát.

Đúng lúc này, Ủy Ban Đông Dương (Comité d'Indo-chine), trực thuộc văn phòng Thủ tướng de Gaulle, nhúng tay vào trường hợp Vĩnh San. Vì thế, ngày

4/6/1945, Bộ Trưởng Thuộc Địa Giacobbi gửi một điện tín cho Thống đốc Madagascar, yêu cầu đưa Vĩnh San qua Paris. Hai ngày sau, Giacobbi thúc dục Thống đốc Madagascar phải dành cho chuyến đi của Vĩnh San ưu tiên tối hạng. (75)

75. Công điện số 803/CAB/DAM 811 (4/6/1945) và 821/CAB/ DAM 811 (6/6/1945); Ibid.

3. Vĩnh San ở Pháp:

Mười ngày sau nữa, Vĩnh San rời Madagascar, và có mặt ở Paris ngày 18/6/1945. (76)

76. Thư Vĩnh San gửi Boulé ngày 21/6/1945; Ibid.

Theo Vĩnh San, Tướng Ingold, Giám Đốc Nha Quân Lực Thuộc địa (Bộ Chiến Tranh), đón tiếp ông khá nồng hậu. Dù không có nhiệm vụ đặc biệt nào, nhưng với tư cách phụ tá cho Tướng Lelong, Vĩnh San được tạm trú ở khách sạn *Littré*. Grimald, Trưởng phòng Đông Dương (trực thuộc Nha Chính trị) của Bộ Thuộc địa, cũng dàn xếp cho Vĩnh San vào gặp Laurentie ngày 25/6.

Laurentie tỏ ra rất lịch thiệp, nhưng Vĩnh San có linh cảm rằng viên "quan trẻ bán đứng vương quốc" này "có những vẻ rất lạ lùng" đối với mình. (77)

77. Ibid. Thư này lọt vào tay Laurentie ngày 21/9/1945, và có lẽ không đến tay Boulé.

Cử chỉ lạ lùng này, có lẽ Vĩnh San chẳng bao giờ hiểu được, là do Laurentie không tán đồng việc cho phép Vĩnh San rời Réunion. Hơn nữa, quan điểm về một Liên Bang Đông Dương chỉ có "ba xứ" Việt, Miên, Lào của Vĩnh San hoàn toàn khác biệt với chủ trương "năm xứ Đông Dương" mà Laurentie và đa số viên chức thuộc địa Pháp coi như khuôn vàng thước ngọc, biểu lộ tinh thần cấp tiến tột độ của người Pháp đương thời.

Nhân cơ hội ở Paris, Vĩnh San thăm viếng các kiều bào, đặc biệt là 264 lính thợ Việt đang bị giam ở Kellerman. Ngày 8/7, Vĩnh San cũng tham dự một buổi nói chuyện về vấn đề Đông Dương. Mặc dù cố sức việc hợp tác Pháp-Việt, ông đã kích những lỗi lầm của tư bản và kêu gọi người Việt hãy thể hiện lòng yêu nước và tinh thần quốc gia của mình một cách sáng suốt. Hành vi của Vĩnh San khiến Laurentie khó chịu. Từ ngày 6/7/1945, Laurentie đã yêu cầu Đại tá Vezinet, tân Giám Đốc Nha Quân Lực thuộc địa (Bộ Chiến Tranh), đưa Vĩnh San qua Germany càng sớm càng tốt. Hai tuần lễ sau, ngày 20/7, Vezinet bổ nhiệm Vĩnh San tới Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh của Tướng Jean Valluy, lúc đó đang đóng ở Rottwei am Neckar (Germany), chuẩn bị qua Viễn Đông tham chiến. (78)

78. "Note de Vallat sur le Prince Vinh San," Annexe 10; Thierry d'Argenlieu, *Chronique d'Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 436. Sẽ dẫn:

D'Argenlieu, *Chronique*, 1985. thư Vĩnh San gửi Boulé ngày 10/9/1945; Thébault, "Le destin tragique" (1970), p 19.

Linh mục Cao Văn Luận, trong cuốn *Bên Dòng Lịch Sử*, thuật lại rằng Vĩnh San đã đột ngột đến thăm ông vào cuối năm 1944 với cấp bậc Đại Tá. Mùa Đông 1982-1983, chúng tôi viết thư cho LM Luận (lúc ấy đang ở Bỉ) để hỏi về chi tiết này thì ông khẳng định rằng trí nhớ của ông rất minh mẫn. Điều này khó thể xảy ra vì mãi tới ngày 18/6/1945, Vĩnh San mới đặt chân tới nước Pháp lần đầu tiên trong đời. Trong hồ sơ ở Aix-en Provence, còn một tấm hình Thiếu tá Vĩnh San, với 4 vạch trên cầu vai. Hình này do Trung tá Regondeau, trưởng phòng sưu tầm SEITC của Bộ Chiến tranh chụp, gửi tặng d'Argenlieu. Regondeau còn là tác giả bài viết "Vinh San: Prince d'Annam mort pour la France," trên báo *Climats* sau tai nạn phi cơ, dưới bí danh Claude Artois. Theo Regondeau, Hoàng tử Vĩnh San người nhỏ bé, chỉ khoảng 40 ki-lô.

IV. KẾ HOẠCH BÍ MẬT CỦA DE GAULLE:

Giữa lúc Vĩnh San tham dự những cuộc hành quân thao dượt của Sư đoàn 9 Bộ Binh thuộc địa tại Germany, phấn khởi với những kinh nghiệm mới lạ về kỹ thuật chiến tranh hiện đại, phân vân ưu tư vì biết sẽ không được theo đơn vị qua Việt Nam, Nha Chính Trị Bộ Thuộc Địa khá bận rộn về trường hợp Vĩnh San.

A. BỘ THUỘC ĐỊA VÀ VĨNH SAN:

Hôm được Laurentie tiếp kiến, Vĩnh San trao tặng Giám Đốc Nha Chính trị Bộ Thuộc địa một bản "Ý Kiến Chính Trị" do Boulé và Cựu hoàng hợp soạn ở Tananarive. Năm ngày sau, một tập "Ý kiến" khác, có kèm lời nhận xét của Boulé, được chuyển đến phòng Đông Dương của Grimald theo hệ thống bưu điện. Laurentie rất bất mãn vì đòi hỏi "ba xứ Đông Dương" của Vĩnh San, bút phê vào phiếu trình là "**Boulé trật đường rây**" [*Boulé déraille!*]. Bộ Trưởng Thuộc Địa Giacobbi cũng không hài lòng, cho lệnh Thống đốc Madagascar bắt Boulé phải ngưng mọi kế hoạch liên quan đến việc khai thác Vĩnh San. (79) Để tránh va chạm tự ái Boulé, ngày 11/7, Giám đốc sở Đông Dương Bộ Thuộc Địa là Grimald được lệnh viết thư riêng cho Boulé, nhắc nhở trưởng đoàn Thông Tin Đông Dương nên ngưng trao đổi ý kiến với Vĩnh San về một vấn đề cực kỳ tế nhị như vấn đề Đông Dương. (80)

79. Công điện số 1012-AP, Giacobbi gửi Gougal Madagascar; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105.

80. Thư số 9369, ngày 11/7/1945, Grimald gửi Boulé; Ibid.

Tư lệnh Madagascar, Tướng Casseville, cũng gửi lên Bộ Thuộc Địa một báo cáo về Vĩnh San. Trong báo cáo đề ngày 11/7/1945 này, Casseville không dấu sự

hoài nghi về hậu ý việc tình nguyện đầu quân của Vĩnh San. Theo Casseville, mặc dù đã bị lưu đày ở Réunion khá lâu, Cựu hoàng vẫn còn "trăm phần trăm là người Á Châu." Bởi vậy, tất cả mọi việc Vĩnh San đang làm chỉ nhằm mục đích "chấm dứt cảnh lưu đày đau xót." Nhưng gần ba chục năm đã trôi qua, chỉ còn rất ít những người miền Trung mà Casseville tiếp xúc còn nghe biết đến Vĩnh San; và ngay với những người này, việc Vĩnh San đeo cấp bậc Chuẩn úy trừ bị Thuộc địa khiến lòng trọng vọng của họ suy giảm khá nhiều. Casseville kết luận:

Hoàng tử Vĩnh San chắc hy vọng rằng trong tương lai có thể thủ diễn một vai trò nào đó tại quê hương mình. Ông ta có thể tạo nên một vài kích động, nhưng những điều này tôi nghĩ chẳng có lợi gì cho ta. **Vai trò của ông ta đã chấm dứt từ ngày bị đày. Tại Viễn Đông, người ta khó trèo lại lên yên sau khi đã ngã xuống. Giống như Phổ Nghi, Hoàng đế bù nhìn ở Mãn Châu quốc, chẳng có chút hy vọng nào để cai trị dân Trung Hoa vì người ta đã quên ông ta, Vĩnh San cũng không thể thành công nếu được đặt để trên đầu người An Nam.** (81)

81. Báo cáo số 591, 11/7/1945, Casseville gửi Colonies; Ibid.

Laurentie đồng ý với nhận định của Casseville, bút phê vào bên lề phiếu chuyển giao: **"Ông Tướng Casseville này có vẻ sáng suốt hơn người tiền nhiệm [Tướng Lelong] nhiều."** Rồi chuyển báo cáo trên cho Ủy Ban Đông Dương tại Phủ Thủ Tướng, do Francois de Langlade làm Tổng thư ký. Langlade—một cựu nhân viên đồn điền cao su ở Malaysia, ngả theo phe de Gaulle từ buổi đầu, và đột nhập Đông Dương ba lần suốt thời gian Nhật chiếm đóng—không đồng ý với Casseville. Theo Langlade, Casseville đã đánh giá quá thấp uy tín của Vĩnh San từ ngày bị truất phế. Thực ra, Vĩnh San còn chính danh gấp bội người em họ đang ngồi trên ngai vàng là Nguyễn Phước Điện [Bảo Đại]. (82)

82. Thư số 4845/202, ngày 7/8/1945, Langlade gửi Bộ Trưởng Thuộc Địa; Ibid.

B. CÁCH MẠNG THÁNG 8/1945:

Trong khi các viên chức thuộc địa Pháp đang thẩm giá lá bài chính trị Vĩnh San ở Paris, một chuỗi biến cố quan trọng khác lại xảy ra ở Đông Dương.

Biến cố quan trọng nhất là việc Nhật Bản đột ngột xin đầu hàng, và được chấp thuận ngày 14/8/1945 (tức 15/8/1945 tại Viễn Đông). Biến cố này tạo ra một khó khăn mới: Đó là Đông Dương bị chia làm hai vùng chiếm đóng. Nam vĩ tuyến 16, quân Bri-tên của Mountbatten sẽ chịu trách nhiệm giải giới quân Nhật; và phía Bắc vĩ tuyến này sẽ do quân Trung Hoa chiếm đóng.

Một hậu quả bất ngờ khác, vượt ngoài sự tiên liệu của Paris, là tình trạng hỗn quân, hỗn quan từ trung tuần tháng 8/1945 tại Đông Dương—tức giai đoạn thứ hai của cuộc cách mạng mùa Thu 1945. Ngày 16/8/1945, Bộ Tư Lệnh Lộ Quân Miền Nam của Nhật chính thức công bố lệnh đầu hàng vô điều kiện ở Đông Nam Á. Nguyễn Phước Điện cũng nhân cơ hội này gửi thư cho quốc trưởng Ngũ

cường, khẳng định nền độc lập của Việt Nam. Rồi, ngày 19/8, Việt Minh cướp được chính quyền tại Hà Nội. Chế độ Trần Trọng Kim rã nát trong vòng một tuần lễ. Ngày 23/8, Nguyễn Phước Điện tuyên bố sẽ thoái vị, nhường quyền cho Việt Minh. Hai ngày sau, chiếu thoái vị của Nguyễn Phước Điện yết tại Phú văn lâu.

Cùng ngày, ở Sài Gòn, Khâm sai Nam Kỳ Nguyễn Văn Sâm từ chức; và Trần Văn Giàu tự xưng làm Chủ tịch Ủy ban Cách Mạng Lâm thời (Lâm ủy) Nam Kỳ. Ngày 30/8, lễ bàn giao ấn kiếm cử hành ở Huế. Nguyễn Phước Điện trở thành công dân số một Vĩnh Thụy, rồi ra Hà Nội làm Cố vấn tối cao cho Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Ngày Chủ Nhật 2/9/1945, trong khi Tướng Douglas MacArthur chủ tọa lễ đầu hàng của Nhật trên boong soái hạm *Missouri* ngoài khơi Tokyo, Nguyễn Sinh Côn tuyên bố độc lập tại Bãi Cột Cờ [Ba Đình] Hà Nội.

Trong dân gian, và dưới sự khích động của cán bộ Việt Minh, tinh thần bài Pháp còn lên cao hơn cả thời chính phủ Trần Trọng Kim (17/4-25/8/1945) trước đó. Người ta không chỉ đập phá những pho tượng Đám Xoè hay cự chiến binh ở các công viên thành phố hầu tây xóa dấu vết quốc sĩ, mà còn sẵn giết Pháp kiều cùng "Việt Gian." Ngay đến những người lai Pháp và viên chức thời Pháp cùng con cháu cũng bị truy diệt, thủ tiêu hay cầm tù. Vì hầu hết những cơ quan tình báo của Pháp đã bị Nhật loại bỏ, Paris thật hoang mang, mù mờ về hiện tình Đông Dương.

Đối diện một việc đã rồi, Comindo đưa ra một số biện pháp cấp bách nhằm kịp thời phản ứng với những biến chuyển thời cuộc. Một mặt, de Gaulle bổ nhiệm ngay một tân Cao Ủy (Thượng sứ) cho Đông Dương, tức Linh Mục/Đô Đốc Georges Thierry d'Argenlieu, và chỉ định Tướng Philippe Leclerc de Hautecloque làm Tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp tại Viễn Đông. Leclerc lên đường qua Ceylon (Sri Lanka) ngay. Mặt khác, nhân chuyến viếng thăm Washington từ 23 tới 25/8/1945, đã được dự trữ từ mùa Hè, De Gaulle tích cực thuyết phục Truman cho đưa hai sư đoàn Pháp qua Viễn Đông càng sớm càng tốt.

Chuyến đi của De Gaulle tương đối thành công. Theo de Gaulle, Truman đã khẳng định với De Gaulle là "không chống lại việc Pháp đưa quân trở lại hay tái lập chính quyền tại Đông Dương." (83)

83. Charles de Gaulle, *The War Memoirs: Salvation, 1944-1946* (New York: Simon and Schuster, 1960), p 242; và, *Mémoires de Guerre*, vol III: *Le Salut, 1944-1946* (Paris: Plon, 1959), pp 550-553.

Bởi thế, ngày 24/8/1945, De Gaulle có thể tuyên bố tại Mỹ là sẽ thiết lập một chế độ mới ở Đông Dương. Chính phủ Đông Dương, theo De Gaulle, sẽ gồm cả người bản xứ và Pháp, do một đại diện của chính phủ Pháp cầm đầu. Đông

Dương cũng sẽ có một nghị viện và một nền kinh tế tự do. De Gaulle còn thêm rằng quân Pháp sẽ tới Đông Dương giải giới quân Nhật. (84)

84. COM (Aix), INF, Carton 368, d. 2925.

Bốn ngày sau, Đại sứ Pháp Bonnet yêu cầu Bộ Ngoại Giao Mỹ cho Bri-tên tước khí giới Nhật trên toàn Đông Dương; hoặc, các Tướng lãnh Nhật ở phía Bắc làm lễ đầu hàng trong lãnh thổ Trung Hoa, trong khi ở miền Nam Pháp nhận lễ đầu hàng của Nhật dưới danh nghĩa Bri-tên. Ngày 30/8, Ngoại trưởng Byrnes trả lời rằng không thể đi ngược lại Tuyên bố Potsdam; nhưng Pháp có thể dàn xếp riêng với Bri-tên và Trung Hoa; cũng như Tướng McArthur. (85) Trong công điện cho Đại sứ Hurley ngày hôm sau, Byrnes khẳng định Mỹ sẽ ủng hộ đề nghị của Pháp nếu Pháp có thể thuyết phục Bri-tên và Trung Hoa. Dầu vậy, mọi chuyện đã quá trễ.

85. *FRUS, 1945, VII:513.*

Việc Mỹ công nhận chủ quyền thuộc địa của Pháp tại Đông Dương, tương cần ghi nhận, không đồng nghĩa với việc trợ giúp Pháp tái chiếm thuộc địa này. Thực ra chính sách của Truman có thể coi như "hands-off", tức không can thiệp. Mặc dù chấp nhận trên nguyên tắc việc quân Pháp tham chiến tại Viễn Đông, Truman cũng nhấn mạnh rằng sự tham chiến này tùy thuộc vào quyết định của Tư lệnh Thái Bình Dương là Tướng MacArthur. (86)

86. Xem thêm chi tiết buổi gặp mặt giữa Joseph C. Grew và Truman ngày 18/5/1945; trong *FRUS, 1945, IV:689*; và bản tin báo chí ngày 18/5/1945 của Truman sau khi hội kiến với Georges Bidault trong Department of State, *Bulletin*, May 20, 1945, p 927.

Nhưng MacArthur—trái ngược với những điều cơ quan tuyên truyền Pháp sau này tung tin—không có một hành động nào khuyến khích Pháp gửi quân qua Viễn Đông, tâng lờ đề nghị đưa hai sư đoàn Pháp qua đánh Nhật. Tại Trung Hoa, Đại sứ Hurley và Tướng Wedemeyer, trong nỗi tưởng nhớ Roosevelt và những nguyên tắc cao thượng của bản Hiến Chương Đại Tây Dương, cũng chẳng nhiệt tình giúp Pháp.

De Gaulle còn không được mời tham dự Hội Nghị “Tam Cường” Potsdam (Germany) vào hạ tuần tháng 7/1945, và chẳng được thông báo về quyết định bí mật giữa Truman và Churchill là sẽ đánh bom nguyên tử Nhật (nếu Tokyo không đầu hàng vô điều kiện). Ngay đến quyết định đặt Đông Dương vào hai mặt trận khác nhau ngày 24/7—tức phía Bắc vĩ tuyến 16 là lãnh thổ hoạt động của quân đội Trung Hoa, và phía Nam vĩ tuyến này thuộc quyền Bộ Tư lệnh Đông Nam Á của Mountbatten—Paris cũng chỉ được biết một cách mơ hồ.

Sau khi hai trái bom "Thằng Gầy" và "Thằng Béo" được ném xuống đất Nhật và Stalin đột ngột xé bỏ hiệp ước bất tương xâm với Nhật, xua Hồng quân Nga tràn vào Mãn Châu như đã mật ước với Roosevelt và Churchill, các giới chức thẩm quyền Pháp mới hồi hải triệu tập một loạt những phiên họp mật để đối phó với tình thế. Ngày 14/8, Ủy Ban Đông Dương và Bộ Thuộc Địa Pháp chỉ định Đô Đốc d'Argenlieu làm Cao Ủy Đông Dương, và phong Tướng Leclerc làm Tổng Tư Lệnh Quân Đội viễn chinh Pháp tại Viễn Đông. Ngày 18/8, Leclerc lên đường. Tới Ceylan (Sri Lanka) ngày 22/8, Leclerc mới được Mountbatten thông báo về quyết định Potsdam. Tuy nhiên vì đồng hội, đồng thuyền tái chiếm các thuộc địa, Mountbatten tận tình giúp đỡ Leclerc.

Tại Paris, de Gaulle cũng cho lệnh tập trung mọi khả năng hàng hải để đưa Sư Đoàn 2 Thiết giáp và Sư Đoàn 9 Thuộc địa qua Đông Dương. Đồng thời, guồng máy ngoại giao Pháp hồi hải xúc tiến việc điều đình với chính phủ Churchill và Tướng Giới Thạch để giành lại chủ quyền ở thuộc địa giàu có nhất tại Á Châu này.

Từ ngày 22/8/1945—đúng ngày Leclerc đặt chân xuống Bộ Tư lệnh SEAC tại Kandy—nhiều toán cán bộ Pháp tự do thuộc Sở Hành Động [*Service d'Action*] và Toán Quân Quản Thuộc Địa [*Mission Coloniale*] được thả vào nội địa Việt Nam. (87)

87. Những chi tiết trong đoạn này phần lớn rút từ Vũ Ngự Chiêu 1984, chương XI-XIII. Chúng tôi chỉ trưng dẫn những nguồn tài liệu khác khi cần thiết.

Tại miền Bắc, Jean Sainteny (Roger) tháp tùng phái đoàn OSS của Archimedes L. A. Patti nhảy dù xuống Gia Lâm, rồi được dẫn vào Hà Nội. Do Sainteny yêu cầu, Việt Minh đồng ý để phái đoàn Pháp trú đóng trong Dinh Toàn Quyền, để tiện giam lỏng. (88)

88. Sainteny, 1953, pp. 80-81, 113 [CD ngày 13/9/1945; Gautier, 1978:309-13]

Một phái đoàn khác, do Pierre Messmer cầm đầu, nhảy xuống vùng núi Tam Đảo (Thái Nguyên), nhưng bị Việt Minh bắt giữ, đưa từ làng này qua làng nọ. Sau đó, Messmer trốn thoát. Mãi đến ngày 24/10/1945 mới được một đơn vị Quốc Quân Trung Hoa đưa về Hà Nội. (Gautier, 1978:315-17) Một toán khác nữa trên tàu *Frézouls* tiến vào Hải Phòng ngày 16/18/1945, bị Nhật cầm chân ở Hải Phòng, rồi đưa lên Hà Nội sống chung với Sainteny.

Tại miền Nam, cũng trong đêm 22/8, Đại tá giả định Jean Cédile nhảy dù xuống Tây Ninh; và được Nhật đưa về Sài Gòn hai ngày sau, giữa lúc Trần Văn Giàu đang chuẩn bị cướp chính quyền. Ngày 27/8, Cédile được Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo và Phạm Ngọc Thạch của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Kỳ tiếp kiến. Sau đó, Cédile được Leclerc phong làm Quyền Phó Đại biểu Nam Đông Dương, rồi từ ngày 28/9/1945 được chính thức bổ nhiệm làm Ủy Viên Cộng Hoà Nam Đông Dương, dưới quyền điều động của Leclerc ở Kandy. (89)

Những công điện đầu tiên của các viên chức Pháp từ Hà Nội và Sài Gòn chẳng có gì đáng phấn khởi. Sainteny báo cáo qua Côn Minh và Calcutta là tình hình chính trị tại Hà Nội xấu hơn dự tưởng [*Situation politique à Hanoi pire que tout ce qu'auons pu prévoir*]; Gautier, 1978:310]. Cédile thì khuyên Leclerc tạm ngưng mọi phi vụ thả dù các toán biệt động và viên chức hành chánh như đã dự trù.

Từ Kandy nhìn về Việt Nam—noi cơn giông bão cách mạng vô sản và bạo lực đang rúng động thị thành, thôn xã—Leclerc không khỏi lo âu. Trong cơn cảm xúc, phần nộ đầu tiên, Leclerc lên án Nhật đã tạo nên sự hỗn loạn này; và có thể Mỹ cùng Trung Hoa cũng có trách nhiệm. Bởi thế, theo Leclerc, cần phải giải thích tường tận cho cả MacArthur tại Manila và Wedemeyer tại Trùng Khánh về âm mưu của Nhật. Nhưng quan trọng hơn cả, Pháp phải biểu dương sức mạnh. Trong những công điện đầu tiên từ Kandy gửi về Paris, Leclerc bộc lộ rõ ràng hai quan điểm này; và không ngớt đòi hỏi đưa Sư Đoàn 9 Bộ Binh cùng Sư Đoàn 2 Thiết Giáp qua Đông Dương càng sớm càng tốt.

Trong công điện ngày 27/8 gửi về Paris, Leclerc vẽ lại một hình ảnh bi quan, với những chi tiết tình báo đầy sai lầm, do vô tình hay cố ý. Theo Leclerc, **những nỗ lực tiếp xúc với các lãnh tụ bản xứ đều thất bại. Tại miền Bắc, thành phần Bolshevik đang phát động phong trào thống nhất ba kỳ, "dưới chính phủ Bảo Đại." Thành phần cực hữu cũng phát động phong trào chống Pháp, hy vọng sẽ được Mỹ bảo đảm nền độc lập. Tại Sài Gòn, "một chính phủ Cộng Hoà" đã được tuyên cáo, và những phần tử Cộng Sản đang vượt thắng.** Leclerc đề nghị:

Nhất trí với những chuyên viên [Paul Mus, Jean de Raymond, Trung tá Crèvecoeur] tôi nghĩ rằng thật cần thiết tái chiếm Đông Dương để chứng minh rằng quân lực Pháp đủ hùng mạnh.

Ngày hôm sau, 28/8, trước khi lên đường qua Tokyo tham dự lễ đầu hàng của Nhật, Leclerc viết một báo cáo đầy đủ hơn cho Cao Ủy d'Argenlieu, lúc đó còn ở Paris. Leclerc dự trù sẽ nhân dịp gặp MacArthur ở Tokyo để đề nghị Bộ Tư lệnh Tối Cao Đồng Minh thêm vào bản Quân lệnh số 1 một Phụ bản của Pháp, gồm những điều khoản sau:

1. Sẽ có một đại biểu Pháp bên cạnh các Tư lệnh Đồng Minh, kể cả Đông Dương và Quảng Châu Loan.
2. Tù binh Pháp bị Nhật quản thúc được tái võ trang bằng khí giới Nhật, do Pháp chỉ huy.
3. Tất cả tài sản của Nhật phải giao cho các sĩ quan liên lạc do Tư lệnh quân Đồng Minh chỉ định.
4. Pháp được hưởng bồi thường chiến tranh của Nhật.
5. Tất cả các máy phát thanh phải bị tịch thu, chờ quyết định của các đại biểu Pháp, với sự chấp thuận của các Tư lệnh Đồng Minh.

Về tình hình Đông Dương, Leclerc tóm lược như sau:

Bắc Kỳ: Tình trạng xấu rõ ràng. Người Hoa và Nhật mưu toan kích động thiểu số chống Pháp hung hãn.

Nam Kỳ: Tình trạng cũng xấu tương tự.

Để đối phó tình hình, Leclerc nhấn mạnh trên việc **tái chiếm bằng võ lực**:

Ý chính mà ông đã đọc trong những công điện trước đây là chúng ta chỉ có một phương tiện để vãn hồi chủ quyền tại Đông Dương, đó là **có tại chỗ một đạo quân lớn....**

Tất cả những người rành rẽ về Đông Dương đồng ý rằng sự hiện diện của một đạo quân tinh nhuệ, trang bị đầy đủ sẽ tạo nên sự thay đổi nhanh chóng thái độ [của những kẻ thù nghịch nhất].

Giai đoạn của những cuộc bàn thảo lý thuyết và trao đổi phiếu ghi chú giữa các Bộ cùng Bộ Quốc Phòng cần chấm dứt nếu chính phủ muốn lấy lại được Đông Dương.

Leclerc cũng trình bày qua kế hoạch tái chiếm Đông Dương. Theo Leclerc tạm thời, với những đơn vị Sư Đoàn 9 trên các tàu *Béarn* và *Ville de Strasbourg* đang hướng về Đông Dương, cùng sự giúp đỡ của Bri-tên đã đủ tái chiếm miền Nam vĩ tuyến 16. Sau đó, phải cần viện binh để tái chiếm miền Bắc, vì thái độ thù nghịch của Trung Hoa.

Về phương diện chính trị, Leclerc yêu cầu tạm ngưng mọi lời tuyên bố, ngoại trừ lời hứa mơ hồ là sẽ cho nhiều tự trị hơn. Đồng thời, Pháp cần khai thác sự chia rẽ giữa các Hoàng tử và đảng phái, cũng như sự yếu kém do cuộc chiếm đóng của Trung Hoa mang lại.

Tuy nhiên, vì thiếu mọi phương tiện—từ quân số, phương tiện chuyên chở, tình báo cần thiết—và đặc biệt là mặc cảm tự tôn, coi thường sức chiến đấu cùng quyết tâm giành độc lập, thống nhất lãnh thổ của dân tộc Việt, Pháp phải đối diện muôn ngàn khó khăn. Từ mùa Thu 1945 tới cuối năm 1946, cuộc tái xâm lăng của Pháp có thể được coi như giai đoạn vừa đánh vừa đàm; với nguyên tắc "Luật pháp trong tay kẻ mạnh nhất." Một mặt, dưới sự che chở của quân Bri-tên, Pháp chiếm dần các tỉnh lỵ và thị trấn Nam bộ và Nam Trung bộ. Mặt khác, trong nỗ lực thương thuyết với Trung Hoa để giành lại "chủ quyền" phía Bắc vĩ tuyến 16, Pháp phải đồng ý thương thuyết với Hồ Chí Minh và các phe phái Việt Nam để quân Trung Hoa có thể triệt thoái trong danh dự.

Nhờ sự giúp đỡ nhiệt thành của Mountbatten và nhất là Douglas Gracey, Tư lệnh Sư đoàn 20 Gurkhas ở Nam Đông Dương, các đơn vị xung kích Pháp của Trung Tá Rivier đặt chân xuống Sài Gòn ngày 13/9/1945. Gracey cũng tái võ trang cho tù binh chiến tranh Pháp ở Sài Gòn—do Tướng Noel bí mật tổ chức, nhưng không có vũ khí—và rồi tạo cơ hội cho Pháp tái chiếm Sài Gòn trong đêm

Chủ Nhật 22 rạng 23/9. Lực lượng Việt Minh của Trần Văn Giàu, dưới quyền của Tổng Tư lệnh Lê Văn (Bảy) Viễn—một thủ lĩnh đảng cướp Bình Xuyên, từng hợp tác với *Kempeitai* Nhật—phải rút khỏi thủ đô miền Nam. Sau khi các đơn vị đầu tiên của Sư đoàn 2 Thiết giáp (Lữ đoàn Massu) đổ bộ ở Sài Gòn và Vũng Tàu ngày 5/10, liên quân Bri-tên/Pháp, với sự tiếp sức của tù binh Nhật, mở rộng dần vùng kiểm soát tới các kho tàng gạo, cao su gần Sài Gòn và Tây Ninh, rồi đánh chiếm các tỉnh ly, thị xã quan trọng phía Nam vĩ tuyến 16.

Tại phía Bắc vĩ tuyến 16, tướng lãnh Trung Hoa không có tinh thần hợp tác như Gracey hay Mountbatten. Khi còn ở Côn Minh, thủ phủ Vân Nam, Tư lệnh Lư Hán từ chối tiếp kiến hoặc cung cấp phương tiện cho Đại biểu Pháp là Tướng Alessandri tới Hà Nội. Lư Hán còn không cho treo cờ Pháp trong ngày lễ giải giới quân Nhật, và trục xuất nhóm tình báo của Sainteny khỏi Dinh Toàn quyền cũ. Chưa hết. Còn có vấn đề hối xuất đổi quan kim lấy tiền Đông Dương, tạo nên một biển cố trầm trọng, sau khi quân Trung Hoa cho lệnh bắt giữ một nhân viên Ngân hàng Đông Dương. Đó là chưa nói đến những hành vi tham lam, cướp bóc hay buôn lậu của quân lính Tường Giới Thạch mà có người đã ví như "một đạo quân châu chấu" tàn phá đất Bắc còn đầy dấu tích nạn đói khủng khiếp Ất Dậu.

Mặt ngoài, các quan Tướng Trung Hoa cũng theo đúng chỉ thị của Tường Giới Thạch là giữ trung lập, không can thiệp vào nội tình Việt Nam. Bởi thế, dù không công nhận chính phủ Hồ Chí Minh, Tướng Tiêu Văn—người phụ trách chính trị vụ bản xứ và Giám đốc văn phòng Việt Cách—vẫn duy trì chế độ này như một công cụ giữ gìn an ninh trật tự. Những người theo quân Trung Hoa nhập Việt như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ hay Nguyễn Tường Tam cũng được tự do tổ chức cơ sở, đảng phái, xây dựng chiến khu, đấu tranh chính trị và võ lực, nếu cần, với Việt Minh. Đây là chiến thuật "một hòn đá giết hai con chim" của quan Tướng Trùng Khánh—một mặt để kèm chế Hồ, mặt khác được tiếng giúp các đảng phái không Cộng Sản. Tiêu Văn còn đứng ra hoà giải các phe nhóm, tiến tới việc bầu cử Quốc hội và thành lập một chính phủ liên hiệp. Phần nào vì áp lực của quan tướng Trung Hoa, và đòi hỏi của đại diện Pháp là Jean Sainteny ở Hà Nội, Nguyễn Sinh Côn phải chính thức giải tán Đảng CSDD ngày 11/11/1945.

Dưới chiêu bài trung lập, không can thiệp vào nội tình Đông Dương, chính phủ Trùng Khánh muốn mượn cơ hội này để thu gặt tối đa chiến lợi phẩm. Ngày 7/12/1945—sau khi đã hoàn thành việc thanh trừng lãnh chúa Vân Nam là Long Vân, và thay Vân bằng Lư Hán hầu buộc chân tại Côn Minh—Tướng Giới Thạch thỏa thuận trên nguyên tắc trả lại Bắc Đông Dương cho Pháp, và yêu cầu Paris nên xúc tiến ngay việc thương thuyết.

Tại Hà Nội, quan tướng Trung Hoa và Sainteny cũng áp lực Nguyễn Sinh Côn mở rộng chính phủ, liên hiệp với mọi phe nhóm—đặc biệt là Việt Cách của Nguyễn Hải Thần, *Việt Nam Quốc Dân Đảng* của Vũ Hồng Khanh và Nguyễn

Tường Tam, và Ki-tô giáo—hầu có chính nghĩa “liên hiệp” để ký hoà ước cho Pháp thay quân Trung Hoa ở Bắc vĩ tuyến 16. (90)

90. CAOM (Paris), AP, cartons 3441 & 3444.

132. Theo Laurentie, vào tháng 8/1946, khi Nguyễn Sinh Côn đang có mặt ở Paris, đích thân de Gaulle đã nhiều lần khuyến cáo Laurentie đừng nên “cho” Côn xứ Nam Kỳ; "Témoignage du gouverneur général Henri Laurentie," *De Gaulle et l'Indochine* 1982, tr. 238.

133. Note không số, ngày 29/9/1945; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105.

134. Jean Baraquin, "Note au sujet du Prince Vinh San," 21/11/1945, p 1.

135. Ministre de la Guerre, Cabinet du Ministre, "Fiche au sujet du Prince Vinh San" (4/10/1945); Ibid..

Tóm lại, vào khoảng cuối Thu 1945, viễn ảnh tái lập nền đô hộ ở Đông Dương của Pháp đã có triển vọng. Cao Ủy d'Argenlieu đã rời bản doanh từ Chandernagor sang Sài Gòn vào cuối tháng 10/1945. Leclerc thì tiếp tục mở rộng vùng kiểm soát tới cao nguyên và Nam Trung kỳ, đồng thời chuẩn bị đổ bộ lên phía Bắc vĩ tuyến 16 vào khoảng cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3/1946. Đến lúc phải tìm một giải pháp chính trị; hoặc đúng hơn, tìm một nhân vật trung gian bản xứ cầm cờ chính nghĩa cho cuộc tái xâm lăng của Pháp.

Đây là một vấn đề khá tế nhị. Tại miền Nam, trong cơn sốt cách mạng đẫm máu mùa Thu 1945, cặp bài trùng Hà Bá Cang (Quận thọt, mới lấy bí danh Hoàng Quốc Việt trong dịp qua Liễu Châu dự Đại hội Việt Cách chuẩn bị cho Hoa quân nhập Việt vào mùa Xuân 1945) và Lê Duẩn—cùng những “đồ tể” Nguyễn Văn Trấn, Dương Bạch Mai và các cựu tù nhân mới được phóng thích khỏi Côn đảo hay Tà Lài như Phạm Văn Thiện (Phạm Hùng)—đã sát hại nhiều nhân vật có thành tích hợp tác với Pháp. Dầu vậy, vì chính sách “cắt tiết, mổ bụng Việt gian” của Việt Minh, tân Ủy viên Cộng hoà Nam kỳ, Jean Cédile, vẫn tụ tập được một số người có Pháp tịch như Trung tá pháo thủ Nguyễn Văn Xuân, Y sĩ Nguyễn Văn Thịnh, Đốc phủ sứ Nguyễn Văn Tâm (người nổi danh Hùm Sám Cai Lậy trong cuộc đánh dẹp “loạn Cộng Sản” nổi dậy vào tháng 11/1940), Kỹ sư Trần Văn Hữu và dăm ba Đốc phủ sứ, sĩ quan khác làm lá bài tẩy cho thí nghiệm Nam Kỳ tự trị.

Tại Trung và Bắc Kỳ, tình hình hỗn độn hơn. Nguyễn Phước Điện thêm một lần nữa tự thả trôi theo con nước chính trị nội bộ. Trước khi ngã theo Nguyễn Sinh Côn, ngày 18/8/1945, Nguyễn Phước Điện đã gửi thư đến Tổng thống Mỹ Truman, Thủ tướng Bri-tên Attlee, Tưởng Giới Thạch và ngay chính de Gaulle, đòi độc lập cho Việt Nam, và kêu gọi từ bỏ ý định tái lập chủ quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương.

Phần Côn, dù đã giải tán *Đảng Cộng Sản Đông Dương* ngày 11/11/1945 để chứng tỏ lòng “tinh thành” hợp tác, nhưng thực chất là một cán bộ Quốc Tế Cộng

sản lâu đời, lại có cả một quân đội và hạ tầng cơ sở hành chính, không thể chấp nhận được với phe de Gaulle. Những người tự xưng quốc gia, hoặc có thâm thù với Cộng Sản, thì hoặc dưới trướng quân Trung Hoa, ẩn trốn vào các giáo xứ Ki-tô, hoặc đã hợp tác với Hồ, hoặc tập trung "cải tạo" ở những vùng "ma thiêng, nước độc" như Lang Hít, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Thanh Hoá nếu chưa bị cắt cổ, mổ bụng hay "mò tôm." Những nhân vật đáng tin cậy của Pháp như Hoàng Trọng Phu, Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu v.v...thì hoặc đã chết, bị thủ tiêu, hay bắt giam.

Trên bối cảnh bạo lực, sắt máu của cơn sốt độc lập, tự do ấy ở Đông Dương, vai trò Vĩnh San thêm sáng giá. Ít nữa cựu hoàng là một trong rất hiếm người cố võ nguyên tắc hợp tác chân thành với Pháp, giữa lúc tinh thần quốc gia cực đoan và bài Pháp đang lên cao ở Việt Nam.

C. LÁ BÀI MỚI:

Mặc dù nhìn thấy giá trị của Vĩnh San, Nha Chính Trị Bộ Thuộc địa không tán thành "giải pháp Vĩnh San." Nội dung bản "Ý Kiến Chính Trị" mà cựu hoàng hợp soạn với Boulé, đặc biệt là đòi hỏi thống nhất ba kỳ, đi ngược hẳn lập trường "tiến bộ" của Tuyên cáo 24/3/1945. Hơn nữa, những thư từ của Vĩnh San gửi bằng hữu và chạm tự ái chính Laurentie. Bởi vậy, Laurentie muốn gửi Vĩnh San trở lại Réunion. Nhưng Langlade, Tổng Thư ký Ủy Ban Đông Dương, không đồng ý kiến với Laurentie. Những cuộc thảo luận về số phận Vĩnh San giữa Ủy Ban Đông Dương, Nha Chính Trị Bộ Thuộc địa và Bộ Chiến Tranh kéo dài suốt mùa Thu năm 1945 mà không có quyết định rõ ràng nào.

Thời gian này Sư đoàn 9 Thuộc địa bắt đầu rời Germany xuống tàu qua Đông Dương. Ngày 3/9/1945, Giám đốc Nha Quân Lực Thuộc Địa (Bộ Chiến Tranh) viết thư hỏi ý kiến Laurentie về việc nên cho Vĩnh San theo Sư đoàn này, hay phải đổi sang đơn vị khác. Bảy ngày sau, Laurentie trả lời rằng Vĩnh San không được về Viễn Đông, và yêu cầu thuyên chuyển hoàng tử qua Trung đoàn Thiết Giáp thuộc địa ở Germany, trong khi chờ quyết định mới.

Hạ tuần tháng 9/1945, giữa lúc cuộc tái chiếm Sài Gòn đang đầu sôi lửa bỏng, Vĩnh San lại gửi cho Laurentie một bản ý kiến khác, nhưng không có hồi âm. Một trong những lý do chính là Bộ Chiến tranh mới chuyển cho Laurentie một lá thư đề ngày 20/9 của R Vally nói về Vĩnh San. Trong thư, Vally đề nghị cho Vĩnh San vào ngạch sĩ quan Pháp, vì ân huệ đó đã đủ thỏa mãn nguyện vọng một **"Nữ hoàng Cléopâtre hoá thân cô bán hành."** Kèm theo thư trên, Vally trích dẫn một vài đoạn thư Vĩnh San gửi cho một người bạn Pháp ở Réunion, theo đó Hoàng tử ngỏ ý muốn trở lại Saint Denis nếu nước Pháp không dùng mình. Có lẽ vì ảnh hưởng lá thư của Vally, **ngày 22/9, Laurentie đề nghị đưa Vĩnh San về Réunion và tăng thêm trợ cấp.**

Trong khi đó, một báo cáo đề ngày 21/9/1945 của một nhân vật am tường Đông Dương khác cũng được đệ trình lên Langlade. Nhân vật này đã từng qua Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9 để điều tra về Vĩnh San. Theo tác giả, Vĩnh San

rất thông minh am tường tình hình Pháp cũng như Đông Dương. Ông ta rất đàng hoàng, thích nghi với môi trường sinh hoạt của các sĩ quan Sư đoàn 9... Với tôi, người biết khá nhiều về Hoàng đế Bảo Đại, Hoàng tử Vĩnh San thông minh và chững chạc hơn—điều này phần nào do sự khác biệt về tuổi tác—nhưng chắc chắn ông ta không có sự mềm yếu, [và] các khuynh hướng buông thả đời sống như Hoàng đế Bảo Đại._

Cũng vẫn theo tác giả, Vĩnh San đưa ra hai giải pháp:

- (1) Nếu nước Pháp muốn dùng ông, ông xin được đặc cách lên hàng sĩ quan cao cấp, và chỉ huy tiểu đoàn Việt Nam thuộc Sư đoàn 14 của Tướng Raoul Salan. Ngoài ra, ông muốn được gặp de Gaulle càng sớm càng tốt để giải thích với Thủ Tướng Pháp quan điểm của mình.
- (2) Nếu nước Pháp không muốn dùng ông, xin tăng tiền trợ cấp và cho ông được lập nghiệp ở Paris.

Bản báo cáo này, với lời cương cố tỏ ý hoài nghi về khả năng thuyết phục của lập trường thống nhất ba kỳ, có vẻ hợp ý de Langlade.

Tuy nhiên, trường hợp Vĩnh San vẫn chưa có gì ngã ngũ. Paris đang sôi nổi không khí cuộc bầu cử Quốc hội, và khí thế hai đảng Xã Hội và Cộng Sản Pháp đang lên cao. Hơn nữa, vấn đề khẩn thiết, trước mắt, vẫn là giải pháp quân sự. Mặc dù cuộc đảo chính ngày 22-23/9/1945 ở Sài Gòn và tốc độ tiến quân của Lữ đoàn Massu mang lại niềm hy vọng, nhưng một giải pháp chính trị cho Đông Dương vẫn ở hàng thứ yếu. Bởi thế, bản "Ý kiến chính trị" thứ hai của Vĩnh San—tức **Memorandum sur le statut futur de l'Indochine**, với những nét chính tương tự như bản "Ý kiến" đã hợp soạn với Boulé—được gửi đi từ Germany ngày 25/9/1945, không gây được tiếng vang nào.

Một quyết định đột ngột nào đó của giới chức thẩm quyền Paris trong tháng 10/1945 ảnh hưởng lớn trên đời sống Vĩnh San. Giám đốc Nha Quân Lực thuộc địa Bộ Chiến Tranh nhận được chỉ thị phải tạm ngưng việc chuyển Vĩnh San qua Trung đoàn Thiết Giáp thuộc địa, và đưa ông về hậu cứ Sư đoàn 9 ở Paris chờ lệnh mới. Ngày 29/10, de Gaulle còn ký nghị định đặc cách Vĩnh San lên cấp Tiểu đoàn trưởng (Thiếu tá), theo thủ tục hồi tố, nhưng không được truy lĩnh lương bổng. (91) Đầu tháng 11/1945, Vĩnh San rời Germany trở lại Paris. Khoảng một tuần sau, cựu hoàng đeo lon mới và được thông báo là de Gaulle sẽ tiếp kiến trong một tương lai gần.

91. Thiếu úy thực thụ ngày 15/2/1942, Trung úy ngày 5/12/1943, Đại úy thực thụ ngày 5/12/1944, và Tiểu đoàn trưởng ngày 25/9/1945. Lệnh bổ nhiệm này không được đăng trên công báo; và cũng không được truy tố lương bổng.

Nhưng mọi việc không diễn tiến theo đúng tốc độ Vĩnh San mong mỏi. Sự thắng thế của phe tả trong cuộc bầu cử Quốc hội báo hiệu những rạn nứt trầm trọng niềm tin của quốc dân Pháp đối với chính sách của phe Gaullist. Dù de Gaulle được Quốc hội đồng thanh ủy nhiệm làm Thủ tướng, uy quyền ông bị các phe đối lập thách thức. Tin đồn de Gaulle sẽ từ chức được loan truyền. Lá thư ngày 16/11/1945 gửi cho Boulé bộc lộ tâm trạng bồn chồn của Vĩnh San.

92. Thư Vĩnh San gửi Boulé ngày 16/11/1945; Thébault, "Le tragique destin " (1970), p 20.

Thời gian này, ngoài việc tiếp xúc với những nhân vật tên tuổi ở Paris, Vĩnh San thường gặp Thébault, người bạn cũ thuộc "Công ty Capagory." Thébault, một cựu Chánh án ở Réunion, cũng được Langlade tiếp kiến để hỏi thêm về Vĩnh San. Thébault khẳng định với Langlade là **nếu đưa Vĩnh San lên ngôi, nước Pháp chắc chắn sẽ có một người bạn trung thành, nhưng đừng mong có một ông vua bù nhìn**. Chẳng hiểu vì ý kiến của Thébault, hay vì một lý do nào khác, ngày 30/11, tân Bộ trưởng Thuộc Địa Jacques Soustelle tiếp Vĩnh San, với sự hiện diện của Langlade. Vĩnh San được thông báo là sẽ bị gửi về Réunion với quân hàm Tiểu đoàn trưởng cho tới khi có lệnh mới. (93)

93. Ibid., pp 27-8; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105.

Dẫu vậy, đầu tháng 12/1945, Vĩnh San lại gửi cho Bộ Thuộc địa một văn kiện so sánh ý kiến của ông và một sĩ quan mới từ Đông Dương trở về. Trong văn kiện này, Vĩnh San vẫn đòi hỏi một Liên bang Đông Dương gồm ba xứ Việt, Miên, Lào, nhưng thể chế ở Việt Nam sẽ là quân chủ lập hiến. Bộ Thuộc Địa không hề có phản ứng. Thái độ hoà hoãn của Nguyễn Sinh Côn qua những cuộc tiếp xúc bí mật với Roger (Sainteny) ở Hà Nội có ảnh hưởng phần nào đến quyết định trên?

Theo lời Tướng Boissieu, Vĩnh San cũng trao cho ông một bản "Tuyên ngôn Chính trị." Sau khi bàn định với Gaston Palewsky, Chánh Văn phòng của de Gaulle, Boissieu dàn xếp để báo *Combat (Chiến Đấu)* đăng bản tuyên ngôn trên hầu thăm dò dư luận Pháp. Đích thân Boissieu còn trình bài báo cho de Gaulle, và phản ứng của Thủ Tướng Pháp chẳng có vẻ gì chống đối. (94) Cuối cùng, ngày 14/12/1945 de Gaulle tiếp kiến Vĩnh San.

94. *De Gaulle et l'Indochine 1982*, p 178.

Dấu vết buổi gặp mặt ngày 14/12/1945 được de Gaulle ghi lại như sau:

Nhằm vào mục tiêu có thể hữu ích, tôi đã nuôi dưỡng một kế hoạch bí mật. Đó là cho cựu hoàng Duy Tân những phương tiện để tái xuất hiện nếu Bảo Đại, người kế vị và cùng gia tộc với ông, đã bị lỗi thời trước các chuyển biến

Ngày 14/12, tôi tiếp [Vĩnh San] để cùng ông mặt giáp mặt, thử xem có thể làm chung với nhau được việc gì. Nhưng ví dù chính phủ của tôi có thỏa hiệp với bất cứ ai đi nữa, tôi đã dự định là chính tôi sẽ ký kết những hiệp ước tại Đông Dương trong một khung cảnh oai nghiêm khi cơ hội đến. (95)

95. De Gaulle, *Mémoires, Vol III: Le Salut* (1959), p 230.

Sau buổi nói chuyện này, Vĩnh San ra tuyên cáo kêu gọi các giới thợ thuyền, nông dân, trí thức đoàn kết để xây dựng một quốc gia mới vĩ đại. Cựu hoàng tuyên bố rằng chính phủ Pháp đã nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam, và chỉ chờ khi trật tự văn minh sẽ ký những thỏa ước cho thống nhất ba kỳ, viện trợ kinh tế và quân sự cũng như giúp Việt Nam về các phương diện ngoại giao và quốc phòng. (96) Cựu hoàng rời *Hôtel Littré* đến một khách sạn sang trọng hơn, *Hôtel du Louvre*, đối diện Théâtre-Francaise. Gặp những người quen như Thébault và Boissieu, Vĩnh San cho biết de Gaulle đã quyết định đưa ông trở lại ngôi báu, và sẽ cùng ông trở về Đông Dương vào khoảng đầu tháng 3/1946. (97)

96. D'Argenlieu, *Chronique* (1985), pp 436-37.

97. *De Gaulle et l'Indochine* (1982), pp 178-80.

Dù cực kỳ khích động về viễn ảnh ngày hời hươg dưới bóng de Gaulle vĩ đại, cũng có những thoáng chốc Vĩnh San lo sợ sẽ bị ám hại. Theo Vĩnh San, có người đề nghị cho ông 32 triệu quan để đừng trở về Đông Dương, nhưng ông đã từ chối. (98)

98. Boissieu cũng xác tín chi tiết này, cho rằng tình báo Bri-tên đã đưa ra đề nghị trên; *De Gaulle et l'Indochine* (1982), pp 161-62. Cần ghi thêm là trong những năm 1945-1946, dư luận chung của dân Pháp là nghi ngờ Bri-tên muốn chiếm đoạt các thuộc địa của Pháp. Thực ra, Churchill và chính phủ Bri-tên là đồng minh khá ái rộng lượng nhất, dù Churchill không ưa cá nhân de Gaulle. Xem thêm Vũ Ngự Chiêu 1984, Chương X-XI

Điều Vĩnh San không tiết lộ cho Thébault biết, và cũng không được Tướng Boissieu biện giải rõ ràng, là quyết định của Bộ Thuộc Địa trả cựu hoàng về Réunion với cấp bậc Tiểu đoàn trưởng, và số lương trợ cấp hàng năm cao hơn. (99) Cái có về thăm cô con gái thứ năm với người vợ da trắng mà Vĩnh San nói với Thébault trong đêm 17/12/1945 có lẽ chỉ được trưng dẫn cho có. (100)

99. Note ngày 3/12/1945 của Pierre Messmer; CAOM (Aix), INF, Carton 122, d. 1105. Messmer đã nhảy dù xuống Tam Đảo với chức vụ Ủy viên Cộng Hoà Bắc Kỳ, nhưng bị bắt giữ gần Hải Phòng. Sau khi được phóng thích, Messmer về phục vụ tại Ủy ban Đông Dương.

100. Thébault, "Le tragique destin " (1970), pp 32-3.

Theo Cao Ủy d'Argenlieu, trong buổi đàm thoại với de Gaulle ở Colombey-les-deux-Eglises ngày 23/9/1956, Tổng Thống tương lai của Đệ Ngũ Cộng Hoà Pháp tiết lộ rằng đã cho Vĩnh San qua Tananarive để thi hành "một sứ mệnh bí mật ở Đông Dương," tức tham quan tình hình Đông Dương và báo cáo cho de Gaulle biết có thể làm được gì. (101) Dầu vậy, nguyên có của chuyến đi vẫn còn nhiều nghi vấn.

101. "Entretien avec le Général de Gaulle à propos du prince Vinh San, 23 septembre 1956;" D'Argenlieu, *Chronique* (1985), p 437.

102. Thébault, "Le tragique destin " (1970), tr. 35.

D. VĨNH SAN Tử Nạn:

Vĩnh San rời Paris về Madagascar ngày 24/12/1945 trên chiếc phi cơ Lockheed của hãng *Réseau des Lignes Aériennes Françaises*. Hai chặng đầu, từ Paris tới Alger, và Alger qua Fort Lamy, được an toàn. Nhưng sau khi rời Fort Lamy vào chiều 26/12, trên đường hướng về Bangui, phi cơ bị hết xăng, hạ cánh khẩn cấp xuống một ngọn đồi vào 6 giờ 30 chiều (giờ quốc tế). Phi hành đoàn và 6 hành khách đều tử nạn.

Cái chết bi thảm, đột ngột của Vĩnh San tạo nên nhiều nghi vấn. Giả thuyết Hoàng tử bị hãm hại sau khi hoàn tất sứ mệnh tuyên truyền được Boulé xa gần đề cập trong một vở kịch. Tuy nhiên, Boulé không thực hiện được lời hứa là sẽ tố cáo người chủ mưu. Thébault của công ty Capagorry nuôi tham vọng đưa Vĩnh San trở lại ngôi báu ở Huế, cũng đồng một quan điểm, nhưng chỉ nhắc đến những thế lực không muốn Pháp trở lại Đông Dương.

V. NƯỚC PHÁP THIẾU MAY MẮN?

Đầu thập niên 1980, nhân dịp buổi thảo luận về chính sách Đông Dương của de Gaulle do Viện De Gaulle tổ chức ở Paris, Tướng de Boissieu khẳng định rằng de Gaulle muốn cho Vĩnh San hồi hương, và đã thông báo cho Cao Ủy Đông Dương d'Argenlieu biết, nhưng tai nạn phi cơ nọ khiến kế hoạch của de Gaulle bị lỡ dở. Khi Mus, cố vấn chính trị của d'Argenlieu về tới Paris vào tháng 1/1946 để tiếp xúc "lá bài mới" Vĩnh San, cựu hoàng đã tử nạn. Bộ Chiến Tranh và đích thân Cao Ủy d'Argenlieu sau đó đều cho điều tra về tai nạn trên, nhưng chẳng tìm được chứng cứ nào xác định Vĩnh San bị ám hại. (102) Bởi thế, có người nêu ra giả thuyết rằng nếu không có tai nạn phi cơ đó, dòng lịch sử cận đại Việt có thể đã đi theo một hướng khác. (103)

102. *De Gaulle et l'Indochine* (1982), pp. 175-80. Xem thêm, "Les circonstances de la mort du prince Vinh San;" D'Argenlieu, *Chronique* 1985, pp 437-38.

103. Thébault, "Le tragique destin " (1970), p 36.

Nhận định này—sau khi suy nghiệm về sự thất bại của các thí nghiệm chống Cộng tại Việt Nam từ năm 1945, kể cả thí nghiệm "hạng nhì" Nguyễn Phước Điện, và rồi những thí nghiệm Ngô Đình Diệm, v.. v... do Liên bang Mỹ, với những tài lực khổng lồ đổ vào Đông Dương và Đông Nam Á từ 1954—không những chỉ có tính cách giả thuyết, mà còn quá đơn giản hoá vấn đề. Trước hết, ví thử Vĩnh San còn sống, cũng mới hy vọng tạm giải quyết được vấn đề người lãnh đạo có uy tín chống lại Nguyễn Sinh Côn. Không ai có thể phủ nhận rằng từ năm 1945, phe chống Cộng không có lãnh tụ. Một chuyên viên Pháp đã từng chua chát nhận định, vào năm 1954, rằng **người duy nhất có khả năng giúp duy trì một miền Nam chống Cộng hoặc đã chết, đang ở tuổi ấu thơ, hoặc chưa sinh ra đời.** (104) Gần 30 năm sau, cựu Tổng Tham Mưu Trưởng của Việt Nam Cộng Hòa cũng nhận định rằng cần những nhân vật như Đại đế Nguyễn Huệ (19/12/1788-13/11/1792), niên hiệu Quang Trung, hay Hưng Đạo Đại Vương mới đổi ngược được tình thế. (105)

104. SHAT (Vincennes), 1K 233, carton 1.

115. Cao Văn Viên, *Leadership* (Washington, DC: GPO, 1981).

Cựu hoàng Nguyễn Phước Hoảng, sau ba mươi năm lưu đầy—người được công ty Capagorry và Tướng Lelong yểm trợ—liệu có đủ khả năng lãnh đạo cần thiết? Vấn nạn này khó có đáp án, vì cựu hoàng chưa có dịp thử nghiệm.

Quan trọng hơn nữa, những tài liệu văn khố hiện đã mở ra cho các nhà nghiên cứu chưa đủ các khoen nối cần thiết để khẳng định rằng Tướng de Gaulle đã quyết định đưa Vĩnh San về nước. Chính de Gaulle, ở đoạn hồi ký nhắc về buổi tiếp kiến Vĩnh San, cũng nhìn nhận vấn đề trước mắt lúc đó thuần là vấn đề quân sự. Để hỗ trợ cho giai đoạn quân sự này, một trong những mục tiêu chiến tranh chính trị của Pháp—hoặc ít nữa, tướng Leclerc—là gây nghi kỵ, chia rẽ giữa các phe nhóm Việt, và nhất là khích động lòng ganh ghét giữa các thành viên sáng giá của Hoàng tộc nhà Nguyễn. Phải chăng, từ tháng 5/1945 cho tới tháng 11/1945, Vĩnh San đã chỉ được sử dụng cho những kế hoạch chiến tranh chính trị đó? Và, sau khi được de Gaulle tiếp kiến ngày 14/12/1945, giải pháp Vĩnh San, nếu đã thành hình, cũng chỉ là một kế hoạch thứ yếu, trừ bị cho tương lai—một tương lai mù sương, phụ thuộc ở thế cờ chính trị quốc tế, nội tình nước Pháp và cán cân quân sự tại Đông Dương. (107)

107. De Gaulle, (1959), vol III, tr. 230-31.

Sự khác biệt về lập trường "ba xứ" và "năm xứ" Đông Dương, tức vấn đề thống nhất Việt Nam, giữa Vĩnh San và giới lãnh đạo Pháp lúc bấy giờ cũng khó thể san bằng. Với de Gaulle và các viên chức thuộc địa Pháp, "năm xứ Đông Dương" là khuôn vàng thước ngọc, và bản tuyên cáo 24/3/1945 là thánh kinh.

Vĩnh San thành tâm muốn thấy quốc kỳ của hai nước Pháp và Việt phấp phới tung bay bên nhau, trong một thể liên kết hữu lợi cho cả hai phe, và dù chẳng được am tường những diễn biến tại Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng (vì ngay cả Bộ Thuộc địa cũng rất mơ hồ từ sau ngày 9/3/1945), cựu hoàng cũng hiểu được những nét đại cương về một thực tế chính trị: Ngày 14/8/1945, Nhật đồng ý trao trả miền Nam cho chính phủ Trần Trọng Kim (17/4-25/8/1945), và Nguyễn Phước Điện, lập tức tuyên bố hủy bỏ thêm các hoà ước 1862 và 1874—tức hai hoà ước liên quan đến việc cắt nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam Kỳ cùng một số đặc quyền khác.

Những ngày kế tiếp, qua khí thế cuộc cách mạng mùa Thu 1945 của toàn quốc dân, miền Nam thực sự trở thành một phần bất khả phân của đất nước Việt. Rồi, ngày 2/9/1945, Nguyễn Sinh Côn lại khẳng định Việt Nam độc lập, thống nhất. Một guồng máy hành chính căn bản của Việt Minh, dù còn sơ sài và gặp sức chống đối của một số cá nhân và phe nhóm, được thiết lập trên toàn cõi Việt Nam. Sự tranh chấp giữa những phe phái Việt chỉ là vấn đề chủ thuyết chính trị và phương thức xây dựng đất nước. Rất ít người đặt câu hỏi về vấn đề thống nhất. Sống lưu vong đã gần ba thập niên, nhưng Vĩnh San vẫn tri nhận được ao ước của quốc dân—và nôn nao khát vọng "thống nhất lãnh thổ"—nên đổi lại, chấp nhận "tự trị trong Liên bang Đông Dương." Đây là sự trao đổi thực tiễn nhất lúc bấy giờ. Nó cũng tương tự như đề nghị của Nguyễn Sinh Côn với Sainteny qua trung gian của nhân viên OSS trước ngày Nhật đầu hàng. Vì có thể lực của tổ chức Việt Minh tại quốc nội, dĩ nhiên, Nguyễn Sinh Côn còn đòi thêm một quân đội riêng, trong khi Vĩnh San giao phó việc quốc phòng và ngoại giao cho Pháp.

Nhưng thời điểm ấy, đề nghị của Vĩnh San và Nguyễn Sinh Côn khó lọt tai chính phủ Pháp. Bộ Pháp quốc Hải ngoại ở đường Oudinot và ngay cả de Gaulle cùng các cộng sự viên thân tín vẫn quá tin ở sức mạnh quân đội—một quân đội từ trang bị, vũ khí, tới phương tiện vận chuyển hoàn toàn tùy thuộc hảo tâm của Bri-tên và Liên bang Mỹ, giữa lúc bánh mì, bơ và thịt phải cấp phiếu tại Paris cùng các thành phố, thị xã. Mặc dù có những cá nhân như Tướng Leclerc hay Laurentie đã nghĩ đến hai tiếng "độc lập" cho Việt-Nam, nhưng một người không hề được thông báo chi tiết nào về "kế hoạch bí mật" Vĩnh San, (108) và người khác cực lực chống đối. (109)

118. Theo Tướng Crépin, Tướng Leclerc không hề được thông báo về kế hoạch Vĩnh San; *De Gaulle et l'Indochine* 1982, pp 210-11.

109. Xem lời chứng của Laurentie; *Ibid.*, p 242.

Trong hoàn cảnh ấy, thật khó tin Vĩnh San được chính thức đưa về Huế hầu lãnh đạo một nước Việt Nam thống nhất. Bởi thế, cựu hoàng đã bị gửi trả lại Réunion, chờ một cơ hội mới. Người ta không thể không tự hỏi nếu tai nạn phi

cơ nọ không xảy ra, liệu Vĩnh San, sau gần 30 năm lưu đày, có chịu chấp nhận một nước Việt Nam bị chia cắt như một cái giá cho ngày hồi hương?

Ngoài ra, còn phải kể cuộc tranh chấp trong nội bộ Pháp, khiến de Gaulle phải rời chính quyền ngày 20/1/1946. Không thể nói cái chết của Vĩnh San khiến de Gaulle ra đi; và như thế, chi tiết de Gaulle sẽ cùng Vĩnh San trở lại Việt Nam vào tháng 3/1946 mà Thébaud và Boissieu gợi nhắc tạo nhiều nghi vấn hơn giải quyết nghi án Vĩnh San. Hy vọng rằng một ngày nào đó sẽ có thêm những tư liệu trong văn khố de Gaulle giúp khai sáng chi tiết này.

Những vấn nạn nêu trên khiến có thể nghĩ "kế hoạch bí mật" của de Gaulle cũng chỉ tựa kế hoạch "quốc tế quản trị cho Đông Dương" của Roosevelt suốt thời gian Thế Chiến II—Một thứ bánh đẹp, được chuẩn bị sơ sài, nhưng chưa đầy đủ vật liệu và sự nhào nặn cần thiết trước khi đưa vào lò. Tất cả mới chỉ có những nét sơ thảo cho một cuốn tiểu thuyết hay một kịch bản, và tác giả còn tu chỉnh, hiệu đính nhiều lần. Nhưng ở thời điểm mùa Thu 1945, sự hiện diện của Vĩnh San ở Paris với cấp bậc Tiểu đoàn trưởng có ít nữa một tác dụng: Đó là tăng thêm áp lực để Nguyễn Sinh Côn phải chấp thuận cho Pháp đổ bộ ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Và chi ngân ấy đã đủ cho guồng máy quân sự của Tướng Leclerc trong giai đoạn tái chiếm Đông Dương bằng võ lực.

Cái chết bi thảm của Cựu hoàng Nguyễn Phước Hoảng giữa lòng rừng già Trung Phi có thể là một dấu hiệu sự thiếu may mắn của nước Pháp trong kế hoạch tái chiếm Đông Dương. Sau khi ép buộc Nguyễn Sinh Côn phải lập lại kinh nghiệm lịch sử của Tôn Thất Thuyết 60 năm trước—bất thần tấn công quân Pháp ở 5 cứ điểm phía Bắc vĩ tuyến 16, rồi rút ra chiến khu vào tối 19/12/1946—người Pháp đã nỗ lực tìm một "chí sĩ" giúp cầm cờ "thực dân tiến bộ." (164) Những Nguyễn Văn Thịnh, Lê Văn Hoạch, Nguyễn Văn Xuân, Phan Văn Giáo, và ngay cả những người từng hợp tác với Nhật như Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm đều được thử nghiệm. Họ chỉ là những Nguyễn Phước Biện, Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Ngô Đình Khả hay Nguyễn Hữu Bài tân thời. Cũng không thiếu những khuôn mẫu Puginier, Caspar hay Petrus Key, Trần Lục mới. Cuối cùng Paris đành "tái khám phá" Nguyễn Phước Điện, người một thời bị nhục mạ là "phản bội," "hèn nhát" trên luồng sóng phát thanh về Việt Nam trong năm 1945, và đầu đề của bao mẫu chuyện đàm tiếu về tông tích bất minh để triệt hạ uy tín. Nếu còn sống, hẳn lá bài Vĩnh San cũng có cơ hội trở thành một Nguyễn Phước Biện tân thời. Cố vấn chính trị Bonfils cho rằng Vĩnh San được chú ý nhờ 1 lá thư của Francois de Langlade—Tổng thư ký đầu tiên của Comindo, một đề nghị (démarche) của Thiếu tá Trocard thuộc SĐ 9, người sẽ phục vụ và tử trận ở Đông Dương, và Trung úy Bousquet. Một cuộc thăm dò ý kiến cho biết Vĩnh San được sự ủng hộ của nhóm Tam điểm (Franc-macjonnerie). Nhiều người Pháp và Việt ủng hộ Vĩnh San tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An và Hà Tĩnh. Một số

khác, đặc biệt là công chức Pháp, ủng hộ Vĩnh Thụy hay Bảo Long, lúc ấy mới 10 tuổi và đã được phong làm Đông cung Thái tử từ năm 1939. Tuy nhiên, hệ Vĩnh Thụy bị "déconsidérée" trong mọi giới. Dân Nam Kỳ chống lại quân chủ. Giới quân sự Pháp nghiêng về phía Vĩnh San. (110)

110. CAOM (Aix), CP 255.

Nhưng cái chết của Vĩnh San, nếu quả thực có "kế hoạch bí mật" đưa Hoàng tử về nước, cũng chỉ là một yếu tố nhỏ, cực kỳ nhỏ. Giai đoạn Nhật chiếm đóng Đông Dương (1940-1945) đã phá vỡ dần nền tảng của uy quyền thuộc địa Pháp. Trang bị với những ý thức hệ mới, một tinh thần cực đoan/bạo động mà nạn đói Ất Dậu và những cuộc tản cư tránh bom Đồng Minh góp phần quan trọng, và với đủ loại vũ khí tương đối hiện đại, nhiều thế hệ thanh niên Việt đã chọn đường kháng Pháp, thắp lại ngọn lửa Cần Vương xa xưa, tử chiến bảo vệ độc lập. Nhưng tại Paris và Chandernagor, rồi Sài Gòn, Hải Phòng, Hà Nội còn có quá nhiều khối óc thủ cựu, lỗi thời, không theo kịp những lượn sóng thần biến đổi trật tự thế giới, đặc biệt là tại Việt Nam cùng các quốc gia nhược tiểu, từng bị cường quốc Tây Phương chiếm làm thuộc địa hoặc chi phối nặng nề. Rồi, cuộc chiến ở Việt Nam dần dần mở rộng, không còn hạn hẹp trong lãnh thổ Đông Dương nữa mà bị các siêu cường chi phối, trong một cuộc chiến đa diện mang tên "chiến tranh lạnh Mỹ-Nga" (1947-1991).

Nói cách khác, lý do chính của sự thiếu may mắn của nước Pháp vào năm 1945—cũng thảm kịch đầy máu và nước mắt của quốc dân Việt suốt ba mươi năm kế tiếp—là chính de Gaulle và những viên chức Oudinot. Xét cho cùng lý, cái chết của Vĩnh San—dù đột ngột, bi thảm, và mất mát lớn lao với gia đình Hoàng tử—có lẽ là hồi kết cuộc hợp lý nhất cho một nạn nhân tội nghiệp của chế độ thực dân Pháp.